

SỐ 1822

CÂU XÁ LUẬN SỐ

QUYỂN 6

Phẩm 2: PHÂN BIỆT CĂN (PHẦN 4)

1. Kết dẫn:

Luận chép: Từ câu đã nói như thế cho đến “gọi là nhân duyên”

Ngay phẩm dưới đây đoạn văn lớn thứ ba nói về Nhân và Duyên.

Sắp giải thích nghĩa thì trước kết dẫn.

Luận chép: “Hãy nhân sáu thích chủng”, trong văn có hai:

- 1) Sáu nhân
- 2) Bốn duyên

Duyên kể sau nói trước giải thích nhân, nên nói sáu thứ nhân:

2. Phân biệt nhân:

Luận chép: Sao gọi là sáu? Trước là phân biệt nhân, trong đó có ba:

- 1) Nói về sáu nhân
 - 2) Nói về năm duyên
 - 3) Nói về pháp có nhân khác.
- Trong sáu nhân chia làm ba.

- 1) Nêu chung tên của Nhân
- 2) Theo tên giải thích riêng

3) Định thủ cùng một bài tụng dưới đây là nêu chung tên của nhân.

3. Nhắc lại bài tụng để giải thích:

Luận chép: Cho “Đến” Sáu nhân dị thực: Là nhắc lại bài tụng để giải thích: Luận Hiển Tông chép: Thể của nhân năng tác có trong tất cả pháp, cho nên nói trước. Thể của nhân câu hữu cùng khắp các pháp hữu vi cho nên xếp vào thứ hai, các đồng loại khác, v.v... Ở trong các pháp hữu vi tùy theo sự thích ứng mà đều thu nhiếp chút phần, hề nói liền ẩn, thứ lớp mà nói. Nay xét kỹ: sáu nhân đều rộng nên nói trước, thể của nhân đồng loại tuy trừ nhân câu hữu hẹp ở vị lai nhưng thuộc tất cả pháp tâm, tâm sở, sắc, bất tương ưng. Thể của nhân tương ưng tuy có ở cả ba đời vì chỉ có tâm, tâm sở cho nên hẹp hơn đồng loại, nhưng có ở cả tất cả tâm và tâm sở nhiếp ô, nhân biến hành rộng khắp, thể của nhân biến hành, nếu ở cõi Dục hai bộ một phần hẹp khác nhân dị thực, thể của nhân dị thực chung cho năm bộ, đối với tám địa trên, thể của nhân dị thực chỉ chung cho một phần tu dứt, thể của nhân biến hành thì một phần của hai bộ, cho nên nhân dị thực, biến hành ở sau sẽ nói. Nhưng sáu nhân, bốn duyên đồng thời có cả thân sơ, nhân gọi là thân, duyên gọi là sơ. Luận hiển Tông chép: Vì là chỗ dựa của pháp sanh nên nói là nhân, tức là quả do thuận ích gần sanh ra.

4. Nói về bốn duyên sáu nhân:

Luận chép: Các Sư Đối Pháp cho đến sáu thứ như thế, đây là vì bốn duyên có văn kinh nói, sáu nhân không có văn kinh nói, cho nên nói các Sư Đối Pháp chấp nhận. Nhân chỉ có sáu thứ, ở đây nói không thêm, không bớt. Luận Chánh Lý chép: Sáu nhân như thế chẳng phải Phật nói, vì sao luận này tự đặt tên này, chắc chắn chẳng phải nghĩa mà Đại sư không nói. A-tỳ-đạt-ma bèn có thuyết: trong kinh hiện Kinh có do ẩn mất, tự tướng có thể được chắc chắn lẽ ra là có. Lại, năng lực sở hóa trong các kinh là Đức Thế tôn phương tiện tạo ra môn khác mà nói. Các Sư Đối Pháp do thấy chút tướng biết chắc chắn có kiết tập rõ ràng, cho nên có thuyết nói: Nghĩa của sáu nhân này nói trong kinh Tăng Nhất Tăng Lục. Bấy giờ trải qua thời gian lâu xa văn bị ẩn mất, Tôn giả Ca-đa-diễn-ni tử, v.v... đối với các pháp tướng không ngừng suy nghĩ, mong cầu, thâm cảm trời tiên hiện đến trao cho như trời trao cho chiếc thẻ ngăn kinh, lý ấy là tất nhiên. Như nghĩa bốn duyên tuy có nêu đủ trong bộ kinh này, còn trong bộ khác có người không tụng, cho đến nói rộng. Ý theo văn luận này thì sáu nhân bốn duyên là nghĩa Tiểu thừa. Bốn duyên có văn, sáu nhân không có văn, vì không có văn Chánh Kinh cho nên nói các Sư Đối Pháp chấp nhận nhân chỉ có sáu thứ như thế. Luận Đối Pháp của Đại Thừa cũng có sáu nhân, nhân năng tác có hai mươi nhân, luận Trung Biên Phân Biệt và Thành Duy Thức đều lấy

mười, không biết nghĩa mười nhân, sáu nhân và bốn duyên của Đại thừa xuất xứ từ văn kinh nào.

5. *Giải thích riêng:*

Luận chép: Lại, tướng của nhân năng tác đầu tiên thế nào? Dưới đây thứ hai là y theo tên gọi mà giải thích riêng, thể của nhân khác nhau, chia thành sáu đoạn, sắp giải thích nhân đầu cho nên trước là hỏi, sau đó đáp bằng bài tụng rất dễ hiểu.

6. *Giải thích bằng văn xuôi:*

Luận chép cho đến vô chướng trụ: Giải thích bằng văn xuôi, trong đó có hai: Một là giải thích chỉ không có chướng trụ và có năng lực khởi, gọi là nhân năng tác; Hai là Sư khác giải thích các pháp xoay vần đều có lực dụng. Y theo văn đầu tiên lại chia làm hai: Một là giải thích văn bài tụng, hai là hỏi đáp phân biệt. Trong giải thích văn tụng, một là nói thể của nhân, hai là giải thích tên nhân. Văn này nói thể của nhân, nhưng nêu ra thể của Nhân có hai thứ: Một là nêu chung về thể, tức dùng tất cả pháp làm thể, hai là đối quả nêu ra thể: Trừ tự, còn lại đều năng tác nghĩa trừ tự thể, tất cả còn lại là nhân năng tác, vì khi kia sanh thì không có chướng trụ.

Hỏi: Nếu pháp rốt ráo không sanh thì trừ tự thể, còn lại tất cả pháp có làm nhân được không? Đáp: Được làm nhân, nêu nhân pháp ấy chưa đến đã sanh thì chỉ là tánh nhân. Nếu đến rồi sanh là lấy quả nhân. Nếu quả đến sanh gọi là cho quả nhân.

7. *Nói về nhân năng tác:*

Pháp bất sanh ấy không cho nhân quả. Luận Chánh Lý chép: Nhân năng tác này lược có hai thứ: Một là hữu sanh lực, hai là duy vô chướng. Khi các pháp sanh, chỉ trừ tự thể, vì tất cả pháp là nhân năng tác. Vì khi kia sanh đều không bị chướng, trong đó phần ít có sức năng sanh. Lại như khi có một nhân thức sanh, thì dùng nhãn sở y làm nhân y chỉ, dùng sắc sở duyên làm nhân kiến lập, dùng nhãn thức v.v... như hạt giống pháp làm nhân không dứt, dùng pháp tương ứng làm nhân nhiếp thọ, dùng pháp câu hữu làm nhân kèm theo, dùng nhĩ căn, v.v... làm nhân y trụ, các nhân này đều gọi là nhân năng tác, trong đó, một phần gọi là nhân hữu lực, vì có công năng sanh ra công năng cao siêu, các phần còn lại gọi là nhân vô lực, vì không bị chướng ngại trụ. Vì sao tự thể chẳng phải nhân năng tác, vì nhân năng tác đối với tự thể là vô nghĩa là vô chướng. Nhân năng tác này tự đối với tự thể thường bị chướng ngại. Lại tất cả pháp không đợi tự thể, lẽ ra có thường thành tổn giảm, v.v...

Thuật rằng: Nếu đợi thì tự thể này, tự thể là hằng có lẽ ra hằng

thành, nếu đợi tự thể thứ hai, tự thể thứ hai thì hằng vô, lẽ ra thường thành tổn giảm, v.v... Có Sư khác nói: Nếu có tự thể nhân tự thể thì lẽ ra vô minh lại duyên vô minh, v.v... khoảng một sát-na đây tức là nhân này, cho nên trái với duyên khởi pháp tánh. Có sự khác nói: Tự đối với tự thể không thấy có công dụng, cho nên chẳng phải nhân duyên, giống như đầu ngón tay, dao nhọn, mắt, v.v...

8. Nói về được tên:

Luận chép: Tuy nhân tánh khác cho đến đều là tên khác: Là nói về được tên. Luận Hiển Tông giải thích nhân năng tác có bốn tên: Một là nhân tức năng tác gọi là nhân năng tác. Nhân này có năng lực làm quả, tuy nhân tánh khác cũng có công năng làm nhân, nhưng nhân năng tác lại không có tên khác, như sắc xứ, v.v... đều là tên khác; Hai là nhân năng tác này lại có hai nghĩa, vì không có chướng ngại nên có thể gọi là Nhân, có thể gọi là phi nhân không thể sanh, Ba là năng tác là nhân gần khác, năng giúp này gọi là nhân năng tác; Bốn là hoặc pháp này khiến cho pháp khác có sở tác, pháp khác tức là quả, nhân năng tác gọi là nhân năng tác. Trong bốn giải thích này thì hai giải thích đầu thuộc về trì nghiệp thích, hai giải thích sau thuộc về y chủ thích.

9. Hỏi đáp phân biệt:

Luận chép: Chẳng lẽ không chưa biết cho đến làm nhân năng tác, kể đây là thứ hai hỏi đáp phân biệt, đây là hỏi.

Luận chép: Nên biết sanh này cho đến là nhân năng tác: Là đáp Tuy trí chướng hữu lậu sanh, ánh sáng chướng thấy sao, lúc hữu lậu sanh thì trí không chướng trụ, khi thấy sao thì ánh sáng vô chướng trụ, nếu bị làm chướng thì không được sanh.

Luận chép: Nếu đối với đời này cho đến có thể lập làm nhân: Là vận hỏi. Nếu trước năng chướng, do nay vô chướng nên được làm nhân. Vốn không có năng lực chướng ngại, nay không bị chướng, đâu được làm nhân.

Luận chép: Thí như người trong nước cho đến đâu được làm nhân: Là dụ cho vua rất dễ hiểu.

10. Bất bẻ các pháp là hữu:

Luận chép: Lại như Niết bàn cho đến không có dụng năng chướng: Chỉ cho sự bất bẻ, các pháp này hữu, như chẳng phải hữu, trước không thể chướng, nay không thể chướng, đâu được làm nhân.

Luận chép: Tuy không có dụng của chướng cho đến cũng được nói như trước: Chỉ cho sự đáp, nếu người có sức mạnh, vì nay không chướng nên được làm nhân. Nếu người không có sức mạnh, cũng do nay không

chươngng ngại được làm nhân, Hữu lực, vô lực ngăn che tuy khác nhau, khi sinh tuy chươngng ngại nhưng nghĩa đó thì đồng. Do đây hai thứ làm nhân thì bằng nhau. Luận Chánh Lý giải thích rằng: Do các pháp xoay vần đối nhau, đều có năng lực chươngng ngại, nên Đắc là nhân, nghĩa là ở chỗ này có một pháp này là xứ không cho lại có hai thứ. Dù cho pháp này ở chỗ khác có, ở chỗ kia cũng không, kia cũng không cho lại có pháp khác như thế chẳng lẽ không đối nhau đều có thể làm chươngng ngại. Kia đều có thể lập làm nhân năng tác. Vô Sắc cũng có khi y theo các định. Kia đối với nhau cũng có năng lực chươngng ngại. Lại trong các pháp, khi một pháp sinh. Như cùng dục pháp, đều không chươngng ngại, nghĩa là vì có hai duyên nên pháp không được sinh.

Một là thuận nhân vô, hai là trái duyên hữu giai đoạn Các pháp sinh phải đợi thắng lực đều khác nhân duyên và đợi chỗ khác, không chươngng ngại mà trụ.

11. Kết luận trước không nhân, sau có nhân:

Luận chép: Từ câu “Đây là nói chung cho đến đối với mầm, v.v... là Kết trước không nhân, sau có lực nhân, lời văn rất dễ hiểu.

Luận chép: Từ câu có người bắt bẻ rằng cho đến đều thành nghiệp sát: Là nêu bắt bẻ bên ngoài. Nhân đã thường có, quả nên thuận khởi, đã đồng là nhân sát, nên cùng mắc tội sát.

Luận chép: từ câu vặn hỏi này không đúng cho có đến “Có thân tác lực”. Là đáp. Không chươngng ngại thông suốt nhân quả không được sinh, “Phi” là đích thân làm, không thành nghiệp đạo, pháp sinh bất sinh tuy y lại sơ nhân, nghiệp cảm không cảm, do chính thân làm.

12. Nói về thuyết khác:

Luận: Từ câu Có sự khác nói cho đến “Có lực năng sinh”: là đoạn văn lớn thứ hai nói về thuyết khác. Ý của Sư này nói. Tất cả các pháp và tất cả pháp làm nhân năng tác. Xoay vần đều có tất cả lực dụng nó, lời văn rất dễ hiểu. Tuy do nhân năng tác, chấp lấy quả Tăng thượng. Nhưng nhân thì rộng, quả thì hẹp. Luận Chánh Lý chép: “ Các pháp quá khứ cùng hai đời khác là nhân năng tác. Hai đời kia còn làm quả Tăng thượng cho quá khứ, (đây có nhân có quả). Các pháp vị lai cùng hai đời khác do không chươngng ngại nên làm “nhân năng tác”. Hai đời đó pháp chẳng phải câu, hậu, nên không làm quả Tăng thượng cho vị lai. Quả phải do nhân nắm lấy nên chỉ có hai nhân chỉ y theo không chươngng ngại nên chấp nhân chung cả ba đời. (Hai bản giáp Ất: từ Thủ quả cho đến sau sáu mươi chữ thành giáp chú). Thủ quả chỉ hiện tại, quá khứ đã thủ, vị lai chưa thủ, đã thủ qua rồi thuộc về mình, chưa thủ qua nên chưa

thuộc mình, quả y theo chỗ thủ, nên chỉ có hai: Hoặc cùng lúc, hoặc tại sau, vì chỉ không chướng ngại, không y theo năng, nên chấp nhận chung cả ba: Nghĩa là hoặc cùng lúc, hoặc ở trước, hoặc ở sau. Các pháp hiện tại cùng hai đời khác làm “nhân năng tác”. Trong pháp hai đời kia, chỉ pháp vị lai là quả hiện tại. (trở lên ba đời đối nhau). Hữu vi, vô vi chẳng phải nhân chẳng phải quả.

Hai bản giáp Ất từ chữ “Hữu vi” cho đến “thủ cố” hai mươi một chữ làm giáp chú.

Vô vi là chẳng phải nhân chẳng phải quả.

Hai bản giáp Ất từ chữ “vô vi cho đến thủ cố” mười tám chữ là giáp chú. Vô vi hữu vi là nhân chẳng phải quả. Hai bản giáp Ất từ chữ “Bất chướng cho đến chẳng phải quả” là Hiệp chú. Do hai nghĩa, nên nói nói như thế “nhân năng tác” phần nhiều chẳng phải quả Tăng thượng. Vì tất cả pháp đều là nhân Năng tác.

Chỉ các Hữu vi là quả Tăng Thượng.

13. Nói về nhân câu hữu:

Luận chép: Đã nói tướng của nhân Năng tác như thế v.v... trở xuống câu hai câu, ba nói về nhân câu hữu. Nhân câu hữu là nhân cho pháp câu hữu, gọi là nhân câu hữu. Hoặc lấy pháp câu hữu làm nhân, gọi là nhân câu hữu, nếu nêu ra thể chung, thì nhiếp hết tất cả pháp hữu vi. Nếu đối nhau nêu ra thể như dưới đây giải thích rộng.

Luận chép cho đến là “Nhân câu hữu”.

Đây là câu đầu phân biệt tướng nhân, nghĩa ở đây khác với nhà phê bình Tỳ-bà-sa quyển mười sáu và luận Chánh Lý. Luận Tỳ-bà-sa nói: Đồng một quả là nhân câu hữu. Luận Chánh Lý chép: Pháp Hữu vi một quả là nghĩa nhân câu Hữu. Kinh nói làm quả lẫn nhau là nhân câu hữu.

14. Nói về nghĩa làm quả lẫn nhau:

Luận chép: Tướng đó thế nào? Trước tuy nói chung nghĩa làm quả lẫn nhau, Tướng trạng làm quả lẫn nhau thế nào?

Luận chép: Từ câu “Như bốn đại chủng” cho đến “do làm quả” lẫn nhau: Chỉ cho sự phân biệt tướng trạng, nên nhà phê bình của Tỳ-bà-sa nói: Nghĩa bốn đại chủng là có tăng khắp, nếu không tăng khắp, địa là ba nhân, Ba là địa nhân, vì sao? Vì Địa chẳng quán địa sinh ra sắc sở tạo, vì tất cả pháp không nguyện tự tánh và đồng loại thể, là nhân quả khác. Ngoài ra là so sánh mà thôi. Các tướng như thế cùng với pháp sở tướng tâm và tâm chuyển theo. Cũng làm nhân lẫn nhau. Đây là nêu ba thứ làm nhân pháp lẫn nhau, nói về làm quả tướng lẫn nhau. Nhưng

trong đây không nói tâm sở tùy theo pháp chuyển và pháp năng tướng tự làm nhân lẫn nhau.

Luận Chánh Lý chép: Trong đây tướng nhân sở thuyết quá ít, nhưng tự giải thích rằng: Thuyết của luận này nên ở đây không có lỗi. Nhưng trong luận này không hề thấy nói: tâm tùy chuyển sắc làm nhân cho tâm cho nên việc phân chia trong đây là ý của người soạn luận. Luận Chánh Lý nêu giải thích của hai Sư, đều trách có lỗi. Tự giải thích rằng: “ở trong đây tôi thấy như thế, nếu pháp và tâm chắc chắn cùng lúc khởi, khắp tất cả tâm, y theo mà chuyển, thực nói pháp ấy cùng tâm sở y lẫn lượt đối nhau làm nhân câu hữu. Các pháp tâm sở chẳng phải cùng khởi. Hoặc ít hoặc nhiều hiện có thể được. Từ chữ “Bất định cho đến Bất thuyết” mười bốn chữ là Hiệp chú. Pháp tâm sở tự đối nhau nhiều ít bất định, nên luận không nói. Thân nghiệp, ngữ nghiệp chẳng phải khắp các tâm. tâm bất định câu, hoàn toàn không có. Từ “bất định cho đến hai nghiệp” Sinh các tướng đều y tâm chuyển, chẳng phải nương lẫn nhau. Sinh v.v... làm nhân: Lại ở trong đây muốn hiển bày chỉ nói loại khác là nhân câu hữu, làm nhân Đồng loại lẫn nhau không nói mà thành. Nên luận Hiển Tông chép: tất cả tâm sở, Tĩnh lực, hai thứ luật nghi vô lậu và các tướng sinh của tâm. Như thế đều nói tâm tùy pháp. tâm tùy tướng ở tâm, chẳng phải nhân câu hữu, vì sao tâm tùy tướng, chẳng phải nhân câu hữu. Không do năng lực kia mà tâm được sinh, kia đối với pháp có công năng. Lại chẳng phải một quả với tâm vương. Trong nhóm phần nhiều chẳng phải quả kia, như vậy làm sao tâm làm nhân câu hữu cho kia. Do tùy tâm các vị vương sinh v.v..., kia được chuyển vậy, chẳng lẽ không nên như Đại chủng sinh v.v... tâm cũng dùng đó làm nhân câu hữu. Các như tạo sắc chẳng sinh đẳng quả. Sinh đẳng chẳng phải không làm nhân câu hữu cho các đại chủng. Ở đây lẽ ra cũng như vậy. Theo ý luận trên. Đại chủng sanh đẳng chẳng phải một quả với Đại chủng, mà được là nhân câu hữu. tâm cùng tùy chuyển tướng, tuy chẳng một quả. Sao không được chấp nhận là nhân câu hữu. Như thế đã thí dụ, lý đó khác nhau. Xoay vần quả một quả, phần nhiều chẳng phải quả kia, chẳng phải các tạo sắc là các đại chủng lẫn lượt trong quả, một quả đã nhiếp. Đâu cho tạo sắc chẳng phải các đại chủng, sinh ra đẳng quả cho nên y theo đây gây ra lỗi. Lại như trước đã nói, trước đã nói gì? Không do sức kia, tâm được sinh nhưng các đại chủng cùng các tướng sinh năng lực xoay vần sinh, nên không có lỗi này. Trong nhóm câu khởi hòa hợp, có khi là năng chuyển mà chẳng phải tùy chuyển, nghĩa tức tâm vương. Hữu, chỉ có tùy chuyển, nghĩa là Sắc và tâm bất tương ứng

hành, hữu là năng chuyển, cũng là tùy chuyển, nghĩa là pháp tâm sở. Tùy tâm chuyển, năng chuyển sắc và tâm bất tương ưng hành, nên có hai đều phi, nghĩa là trừ tướng trước, y theo văn luận trên, trong đây đã nói tâm tùy chuyển pháp cùng các xứ nói nghĩa tùy chuyển, nghĩa đều khác nhau. Như trong Đối pháp nói Tuệ là thể nắm uẩn tùy hành. Đây là tâm vương thuộc về nhập tùy chuyển. Trong đây nói tâm chỉ chuyển ấy chẳng phải tùy chuyển, tức nói tâm vương chẳng phải tùy chuyển. Nhưng trong đây nói y theo lý vua tôi. tâm chỉ là chuyển, trong đối pháp nói, theo lý Đối pháp, tuệ là chuyển. Thuyết tuy khác nhau nhưng nghĩa không trái nhau.

15. *Thế của nhân câu hữu.*

Luận chép: “Nhiếp khắp pháp hữu vi như sự thích ứng của nó”: Là nói thế của nhân câu hữu. Tất cả hữu vi đều có bốn tướng. Năng tướng, sở tướng làm nhân lẫn nhau, lý hợp nhiếp khắp tất cả hữu vi trong đây làm quả lẫn nhau, nghĩa là nhân quả đồng thời, ở trong đối nhau đối chút bốn pháp đó chẳng phải làm quả lẫn nhau. Bốn pháp làm nhân câu hữu cho kia. Đây chẳng phải làm quả lẫn nhau mà làm nhân. Có nhân câu hữu chẳng phải làm quả lẫn nhau. Nhân không trùm khắp tông pháp. Đây là nhân hẹp ở tông luận Chánh Lý trách rằng: “lại không nên nói chỉ làm quả lẫn nhau là nhân câu Hữu. Pháp và tùy tướng chẳng làm quả lẫn nhau, mà làm nhân lẫn nhau, đây là nhân tướng. Kia nên lại giải thích. Do nghĩa này nên phải nói về tướng. Pháp Hữu vi một quả có thể là nhân câu hữu. Ở đây đồng với Tỳ-bà-sa, luận Tỳ-bà-sa quyển mười sáu, nhà phê bình nói: “Đồng một quả là nhân câu hữu. Nay xét rõ: “Nhân này nếu là đồng thời, lại có lỗi của nó. Tự thể đã chẳng phải quả của tự thể, làm sao đều có được một quả ư? Còn Đại sinh, hiểu sinh bất đồng một quả, làm sao được nói một quả được? Đây là Nhân của một quả, không trùm khắp tông pháp, nhân hẹp ở tông, cùng không khác với trước, nếu nói khác thời. Đây là tiểu tướng, đồng một đẳng lưu với bốn pháp của nó, đồng một Dị thực, vì sao không làm Nhân cho bốn pháp. Đây là Nhân chung một quả. Dị phẩm đó, ở trong dị phẩm, chuyển lỗi càng nặng, luận Chánh Lý lập nhân không khác nhân ở trước, sao lại bác bỏ Câu-xá, tự lại lập ư? Nếu nói năng lực đồng gọi là một quả nghĩa tức là không, lại nhập A-tỳ-đạt-ma chép: “Các pháp hữu vi lại làm quả lẫn nhau, hoặc đồng một quả là nhân câu hữu. Y theo hai phần này cũng không có hơn kém. Nay xét thấy. Nhân của hai luận đã lập đều không có lỗi. Như nói biến ngại, gọi đó là Sắc, lập nhân này không khắp vô biểu. Như nói ăn gấp, đi gấp gọi là ngựa. Có khi chẳng phải ngựa gấp

ăn, gắp đi, cũng có ngựa ăn chậm, đi chậm. Nhưng đặt tên ở đây không trái với lý thế gian, làm nhân quả và một quả nhân lẫn nhau, So sánh cũng như thế. Sư Thuận Chánh Lý cho là trái với Bà-sa nên từ một quả, Nhập A-tỳ-đạt-ma sẽ không trái lý nếu cả hai nhân. Luận này sơ lược nên chỉ nêu một. Có người hỏi đáp rằng:

Hỏi: Theo Tỳ-bà-sa 16 và 151 đều chép: Một quả là quả hệ. Luận Chánh Lý lại chép: Một quả là sử dụng, ly hệ, chẳng lẽ không trái nhau. Giải thích: Tỳ-bà-sa chỉ nói “Quả ly hệ, trong quả này, “hãy y theo chắc chắn vô lạm” mà nói quả sử dụng, gọi là khoan bất định, hoặc là câu sinh, hoặc vô gián. Tỳ-bà-Sa lẽ nói cũng nói quả sử dụng. Mà không nói là e xem lạm vào câu sinh xoay vần quả sử dụng. Vì tự thể đối với tự thể, chẳng phải một quả. Luận Chánh Lý sơ dĩ nói quả sử dụng, là xếp quả sử dụng vào một quả, cho nên nói riêng. Mỗi thứ đều y cứ một nghĩa nên đều không trái nhau, nay xét thấy: Luận Chánh Lý chép: “Quả sử dụng” vì quả ly hệ không nhiếp quả sử dụng bất sinh. Chẳng phải muốn nhiếp pháp hữu vi vô gián khác, cách vượt quả sử dụng. Duyên đẳng vô gián, vô gián sử dụng và sắc do bốn tạo đồng thời vô gián, cách vượt quả sử dụng. Những thứ này đều chẳng phải một quả trong đây. Chẳng phải một nghĩa duyên câu hữu chẳng phải một quả. Cũng chẳng phải nhóm sắc trước. Quả sử dụng của mùa xuân cấy cày, mùa thu gặt hái. Những thứ này tuy đồng một quả nhưng chẳng phải nhân câu hữu! Y theo năm việc, luận giải thích, Pháp tâm sở gọi là trong Tương ứng có một giải thích rằng: Lại nữa, đồng một thời phần, đồng một sở y, đồng một hành tướng, đồng một sở duyên, đồng một đẳng lưu, đồng một Dị thực, là nghĩa tương ứng theo văn luận này, chấp lấy duyên Đẳng vô gián quả sử dụng đều là nhân tương ứng.

Tương ứng này đều lấy quả sử dụng của duyên Đẳng vô gián. Khác với nhân câu hữu, nhưng hữu, duyên vô Đẳng vô gián quả sử dụng được thành tương ứng như La-hán hậu tâm. Nay xét thấy. Luận này nói một quả, đồng với Tỳ-bà-sa, khác với Chánh Lý. Vì y theo Tỳ-bà-sa kia mà soạn luận. Nếu có đầu mối khác nên chỉ bày lý do, có người nói rằng: “Cũng đồng với Chánh Lý” là sai.

16. Ở đây làm quả lẫn nhau:

Luận: Từ câu “Pháp cùng tùy tướng cho đến chẳng phải tùy tướng đối với pháp”. Đây là làm quả lẫn nhau. Vì không trùm khắp pháp này, cho nên nêu riêng.

Luận chép: Trong đây nên nói thế nào gọi là làm. Ba câu dưới đây nói về tâm tùy chuyển pháp. Trước nói tâm và tâm tùy chuyển pháp,

cũng làm nhân lẫn nhau. Chẳng hay thế nào là tâm tùy chuyển pháp?

17. tâm tùy chuyển thế:

Luận chép cho đến “tâm tùy chuyển pháp” ở đây nêu ra tâm tùy chuyển thế.

“Pháp tương ứng” với tâm: Nghĩa là tất cả pháp sở hữu của tâm.

Hai thứ luật nghi, đây là tâm tùy chuyển sắc.

“Pháp kia”: Ba pháp thí dụ về các tướng sinh của tâm, là ba pháp dụ trên và bản tướng trong tâm như thế đều gọi tâm tùy chuyển pháp: Là tổng kết ở trên. Luận Chánh Lý chép: Vì sao không nói ba tùy tướng kia, không nói sở nhân sau tự sẽ nói.

18. Hỏi đặt tên tùy chuyển:

Luận: Chép cho đến gọi là tâm tùy chuyển: Một câu dưới là hỏi đặt tên tùy chuyển. Luận chép cho đến gọi là tâm tùy chuyển. Lược dùng ba nghĩa để đáp, sau chia ra mười nghĩa để đáp, lược dùng thời v.v... nghĩa ba tánh, gọi là tâm tùy chuyển.

Luận chép: Từ câu: hãy do thời giả cho đến và đọa một đời: Chia thời làm bốn, đó là một là sinh, một trụ, một diệt và đọa một đời.

Hỏi: Sao trong bốn tướng chỉ nói ba mà không nói tướng dị .

Đáp: Đây là nói đồng với việc đặt vị lai vào hiện tại, diệt nói lên đồng với đặt hiện tại vào quá khứ, trụ nói lên pháp này ở hiện tại lấy quả, tức hiển rõ hiện tại, quá khứ ba đời đồng thời. Tướng dị không hiển rõ thời năng, nên ở đây không nói. Luận Chánh Lý: Đâu không chỉ nói: Sinh, trụ, diệt, tức biết cũng rơi vào một đời. Tuy cũng tức biết đọa ở một đời, nhưng vẫn chưa rõ được pháp này và tâm quá khứ. vị lai cũng không lìa nhau. Hoặc nói về các pháp bất sinh. Thuật: Tuy nói một sinh, trụ, diệt tức đồng một đời. Nhưng chẳng biết trước tướng sinh kia, sau tướng diệt ở vị lai, pháp quá khứ này cũng không rời tâm, hoặc các bất sinh khác nhau một sinh với tâm, hai nghi pháp trụ, diệt kia chẳng phải nhân câu hữu, nên nói đọa một đời. Luận Chánh Lý chép: Nếu vậy chỉ nên nói đọa một đời, không như vậy thì lẽ ra không khiến cho biết chắc chắn đọa một đời. Thuật rằng: Nếu nói thẳng đọa một đời thì không khiến biết chắc chắn đọa một đời, vì đồng với thời sau ở vị lai. Nếu sanh thì khác nhau đời, tuy trước đồng đời, sau chẳng đồng đời. Nếu không nói đồng sanh, diệt, v.v... thì không khiến biết chắc chắn đọa một đời.

19. Chia quả làm ba:

Luận chép: Từ câu “Do qua bình Đẳng” cho đến “và nhất đẳng lưu” ở đây chia quả làm ba. Luận Chánh Lý chép: chẳng lẽ không phải

đẳng lưu, dị thực, cũng xếp vào một quả, làm sao ngoài một quả nói Đẳng lưu, dị thực ư?

Thật vậy, trong đây nói một quả là. Chỉ nhiếp quả sĩ dụng và quả Ly hệ. Chẳng lẽ không nói chung lời này nên cũng xếp vào Đẳng lưu. Dị thực. Tuy nói cũng nhiếp nhưng chẳng phải ở đây nói. Nhưng quả sĩ dụng gồm có bốn loại: Câu sinh, vô gián, cách việt, và bất sinh. Ở đây nói chẳng phải quả câu hữu với Nhân. Là ngăn dứt chỉ câu sinh chấp với hòa hợp trong chúng có quả sĩ dụng. Đây là nhóm hòa hợp làm quả lẫn nhau. Tự chẳng phải tự thể là quả sĩ dụng. Tức nói lên chẳng phải kia hòa hợp câu khởi. Trong quả sĩ dụng có nghĩa một quả cho nên nêu riêng Đẳng lưu dị thực. Theo văn luận này, ngăn quadoồng thời. Chẳng phải kia muốn chấp lấy vô gián. Cách việt, quả sĩ dụng.

20. Nói nghĩa thời khác với quả:

Luận chép: Nên biết trong đây cho đến nghĩa ấy khác nhau là: Nói nghĩa thời khác với quả, thời là nói cùng lúc, quả là nói chung.

Luận: Từ câu “Do thiện” v.v.. cho đến “Tánh vô ký”. Ở đây nói tánh đẳng phần là ba cộng với trước là mười.

21. Tổng kết:

Luận chép: Từ câu “Do mười nhân này gọi là tâm tùy chuyển”. Đây là tổng kết.

Luận chép: Từ câu “Trong đây tâm vương” cho đến “Vì tâm là nhân câu hữu”. Chỉ cho pháp nói về “Nhân nhiều ít” trong văn có hai:

- 1) Nói về nghĩa đúng.
- 2) Nêu thuyết khác.

Đây là văn đầu, tâm vương có rất nhiều, nghĩa là tâm định đầu tiên có mười đại địa, và Thiện địa ưa thích, nhằm chán tùy một, và tâm với từ, nhất Định cộng bảy chi. Gồm chung có ba mươi một pháp, luôn cả tướng Đại, tiểu. Gồm hai trăm bảy mươi chín pháp tâm vương và một trăm năm mươi tám pháp làm nhân câu Hữu. Ít nhất là hai định trở lên, tâm vô phú vô ký chỉ có mười một pháp và tướng đại tiểu, có chín mươi chín pháp. tâm vương và năm mươi tám pháp làm nhân Câu hữu. Có người nói: tâm vương đối với chín mươi tám pháp, ít nhất vẫn cùng năm mươi tám pháp làm nhân câu Hữu là sai. Như vật trong chín mươi tám pháp nhiều nhất và vài pháp làm nhân. Luận Hiển Tông quyển chín chép: Tướng này có năng lực bằng với pháp nhau. Đồng với bốn pháp làm nhân câu hữu. Tùy tướng ở một có công năng. Chỉ làm nhân câu hữu cho sở tướng. Luận Chánh Lý chép: Vì sao tâm tùy tướng chẳng phải tâm nhân câu hữu. Không do năng lực ấy mà tâm được sinh, chẳng

phải tâm làm quả lẫn nhau với kia . Trong nhóm, phần nhiều chẳng phải quả kia. Tức do nhiều nhân

Đã nói như thế, tùy tướng không gọi là tâm tùy chuyển pháp. Chỉ sự giải thích của văn trên tức là đúng với văn này. Như vậy vì sao tâm có thể làm nhân câu hữu cho kia . Do tùy tâm vương sinh các vị, kia được chuyển sau.

22. *Nêu thuyết khác:*

Luận chép: Từ câu có người nói cho đến và bản tướng của tâm. Thứ hai là nêu thuyết khác. Sự này y theo nghĩa khác với trước, chỉ chọn lấy lân gần để làm nhân.

Luận chép: Thuyết này chẳng đúng. Đây đều bác bỏ.

Luận: Vì sao? Là hỏi: chẳng phải lý do.

Luận chép: Trái với “Phẩm loại Túc Luận” cho đến “Tức pháp sở trừ” là nêu trái với văn. Nếu không nói rộng thì ý sơ lược khó biết, trước sau dẫn chứng câu nghĩa khác nhau. Theo phẩm Thiên Vấn trong Phẩm Loại Túc Luận quyển 130.

Hỏi: Trong Phẩm-Đem có chấp thân đối với Tứ Đế là hỏi, có mấy chấp có thân là nhân, chẳng có chấp thân làm nhân, v.v...

Đáp: Hai là phi chấp có thân làm nhân, chẳng cùng với chấp có chấp thân làm nhân. Hai nêu phân biệt. (Trước hai là Diệt và đạo, sau hai là khổ và tập) Nghĩa là khổ Thánh đế, hoặc chấp có thân là nhân phi chấp có thân nhân, hoặc có chấp thân làm nhân cũng có chấp thân nhân. (Nhân bản giáp Ất từ chữ Thử trung cho đến soạn luận có sáu mươi chữ là giáp chú). Trong đây chỉ có ba câu là khác. Không bốn câu vì Chấp thân là nhân biến hành, có thể sinh tất cả pháp nhiễm ô. Trong pháp nhiễm ô không thể sinh chấp thân, không từ chấp thân sinh trong pháp bất nhiễm ô văn hỏi không thể sinh chấp thân: trong đây y cứ nhân duyên làm luận.

Có chấp thân làm nhân, chẳng phải có chấp thân nhân, là nhắc lại câu thứ nhất. Pháp này nhiều nên bỏ hẹp lấy rộng. Có bốn tiết văn, trừ câu cú nghĩa là trừ quá khứ, hiện tại, thấy khổ thì dứt tùy miên và tương ưng kia đều có cùng lúc, (Hai bản giáp Ất từ câu “Đẳng ngôn cho đến nhân dã” ba mươi bảy chữ là Hiệp chú) Các lời này nghĩa là được. Đây là từ chấp thân có nhân đồng loại, biến hành sinh ra nhân đồng loại, sinh ra Chấp thân. Chấp thân tương ưng pháp câu hữu, như Tương ưng nhân câu hữu. Lại trừ quá khứ, hiện tại kiến tập sở đoạn biến hành tùy miên và tương ưng, câu hữu khổ đế. Đây là tiết thứ hai, đây là từ nhân biến hành của chấp thân sinh ra và nhân Tha Biến hành, sinh ra chấp

thân này cho nên trừ bỏ. Đắc nhân phi biến hành nên không nói đấng. Lại trừ vị lai có thân tương ứng khổ đế (hai bản giáp Ất từ “Thứ cho đến đã” ba mươi lăm chữ là Hiệp chú). Tiết thứ ba này trừ. Đây là nêu chấp thân, trừ pháp tương ứng, không trừ chấp thân. Ở đây lấy nhân tương ứng câu hữu, sinh chấp thân, cho nên trừ. Lại trừ vị lai chấp có thân và pháp tương ứng kia sinh, già trụ, vô thường. Ngoài các nhiệm ô khổ đế. (Hai bản giáp Ất Từ Đệ Tứ cho đến Đế đã) năm mươi hai chữ là Hiệp chú. Tiết thứ tư là Trừ pháp. Đây là nêu kiến và pháp tương ứng, chọn lấy sinh già trụ, vô thường, dùng nhân câu hữu sanh chấp thân nên trừ. Các nhiệm ô khổ đế là từ chấp thân sanh, không làm nhân khổ đế cho chấp thân, chấp có thân là nhân cũng có nhân chấp thân, trước đã trừ pháp chẳng phải có chấp thân làm nhân, chẳng phải nhân chấp thân đó là bất hữu nhiệm ô khổ đế, tập Thánh đế cũng thế. Như trên là văn luận cho nên khổ, tập số câu đồng, khổ tập đế đều dùng tất cả hữu lậu làm thể, nghĩa của nhân gọi là tập, nghĩa của quả gọi khổ. Như thức cùng ý thể không rộng hẹp, nhưng mê hai đế phiền não có khác.

23. Luận sự khác giải thích:

Khổ có mười, tập chỉ có bảy, có Luận sự giải thích khác đều chẳng phải tông ý. Như luận ấy nói hoặc có khổ đế dùng chấp có thân mà nhân chẳng làm nhân cho chấp có thân, do nêu câu đầu của Phẩm Loại Túc. Trừ chấp có thân và pháp tương ứng kia ở vị lai, sinh, già, trụ vô thường các nhiệm ô khổ đế, bỏ qua ba tiết trước, nhắc lại văn tiết thứ tư (560a), đã có bốn tướng trên là chấp thân và pháp tương ứng kia do chung câu nên trừ. Do đó biết bốn tướng trên của pháp tương ứng với tâm cũng có thể sinh tâm, do đời vị lai bốn tướng trên pháp tương ứng chấp thân, chỉ có nhân câu hữu sinh chấp thân, vì không có nhân gì khác, hoặc có khổ đế trừ pháp, nêu câu thứ hai của Phẩm Loại Túc chứng minh bốn tướng của pháp tương ứng chấp thân là chung câu, lấy đây chứng biết mười bốn phi.

24. Nói sự khác tụng khác:

Luận chép: Có sự khác không tụng và pháp tương ứng kia: Là nói sự khác tụng khác, nếu trừ năm chữ và pháp tương ứng kia: Tức là chỉ trừ bốn tướng trên chấp có thân kia, vì nó không thể sinh chấp có thân nên không dứt trừ, do chỉ có mười bốn pháp làm nhân cho tâm. Hoặc y theo nghĩa mà biết có thuyết khác, bốn tướng và pháp lực đã bình đẳng, pháp đã là nhân nên biết sinh cũng là nhân, tất cả đồng nhóm đều đối nhau mà làm nhân câu hữu, thì chẳng phải nghĩa đúng. Đều do câu hỏi cho đến kia hẳn là câu hữu, thành nhân câu hữu thì phải câu hữu. Luận

chép: Hoặc hữu, câu hữu cho đến vì nhân cho nên thành nhân. Ở đây tuy có phải là nhân câu khởi mà chẳng phải nhân câu hữu, có tám cặp pháp:

- 1) Luận chép: Các tùy tướng đều đối với bốn pháp.
- 2) Luận chép: Các tùy tướng này đều đối lẫn nhau.
- 3) Luận chép: Tùy tâm chuyển pháp tùy tướng đối với tâm.
- 4) Luận chép: Các tùy tướng xoay vần đối nhau.
- 5) Luận chép: Tất cả câu sinh xoay vần đối nhau.
- 6) Luận chép: Phần ít câu sinh xoay vần đối nhau.
- 7) Luận chép: Tất cả câu sinh cho đến xoay vần đối nhau.
- 8) Luận chép: Tất cả câu sinh cho đến xoay vần đối nhau.

Các pháp như thế cho đến vì là nhân nên thành nhân. Chữ nhân trước đặt tên nhân, nhân sau là nhân câu hữu. Chẳng phải một quả dị thực và một đẳng lưu có cả bảy cặp trước, trong mười tùy chuyển có một sinh, trụ, diệt và rơi vào nhất thế, tánh thiện v.v... đồng, không cộng ba nghĩa nên không thành nhân. Ba đối thứ năm, thứ sáu, thứ bảy khác nhau. Nhất quả, dị thực, đẳng lưu nghĩa cũng rất dễ hiểu, bốn Đối pháp trước không có nhất quả, dị thực và đẳng lưu nên nghĩa rất khó hiểu. Ý này tức hợp cộng lực đồng chấp là một quả nghĩa. Quả tuy là đồng lực nhưng khác nhau thủ chẳng phải một quả, nên Luận Chánh Lý chép: Trong nhóm, phần nhiều chẳng phải quả kia. Đây là Giải thích tùy tướng không gọi pháp tâm tùy chuyển, tức là trong đây chẳng phải nhất quả, như hai người cùng chứng trạch diệt vô vi quả tuy đồng mà chẳng phải một quả, phải tương ưng cộng làm nhân năng chứng, mới gọi là một quả. Nếu giải thích chẳng đồng một quả thì khắp tám đối, nếu không như thế thì vì sao bốn đối trước quả sĩ dụng, dị thực đẳng lưu đều thiếu nhân gì mà chẳng phải nhân câu hữu, lại nói chung tám đối trước. Do chẳng phải một quả, dị thực và một đẳng lưu, cho nên biết có cả bốn thứ trước. Có người nói: Nói theo chiều ngang thì chẳng phải chẳng đồng nhóm một quả, chẳng hay theo chiều dọc có năng đồng nhóm hay không?

25. Lại nói về đắc:

Luận chép: Vì đắc cùng sở đắc, cho đến câu sinh; là lại nói về đắc. Lại thêm phi định cùng hiện hành hoặc trước hoặc sau hoặc câu sinh. Lại theo luận, câu sinh đắc tùy cùng pháp câu hữu không do nhân câu hữu nên thành nhân, vì hoặc sinh trước hoặc sinh sau hoặc câu. Nên biết tức là câu sinh có thể đắc, hoặc trước, hoặc sau. Theo đây cũng hợp trước đắc có thể sau, sau đắc có thể trước, trước sau đắc cũng có

thể chung pháp, như vậy tất cả lý có thể đúng. Kinh bộ từ hữu bộ mà lập mười tùy chuyển nên thành nhân câu hữu, lý có thể đúng, vì không chấp nhận hoàn toàn, vì sau chắc chắn bác bỏ. Cho nên nói vả lại. Luận chép: Mà các thế gian cho đến có nghĩa nhân quả, kinh bộ trước theo nay tức đoạt.

Hạt giống và mầm thế gian mà nhân, thế gian cộng cực thành, trong việc nhân quả sinh nhau, chưa thấy như hữu bộ chấp lập nhân câu hành đồng thời nhân quả, cho nên nay phải hỏi Tát-bà-đa-bộ nói vì sao trong nhóm các pháp chung khởi có nghĩa nhân quả, nếu pháp chưa sinh, nhân chưa thủ quả. Nếu nhân thủ quả, quả pháp đã sinh cùng thời sinh pháp, cái gì thành nhân quả. Chẳng lẽ không hiện thấy cũng là nhân quả, ngọn đèn và ánh sáng là nhân, mầm và ảnh là quả, tuy đồng thời có nhân quả, vì sao nói không thấy nhân quả đồng thời như vậy. Luận chép: Ở đây nên nói rõ cho đến dùng để làm nhân lẫn nhau: là Kinh bộ bắt bẻ Có hai phá ngọn đèn hiện tại, nói nhân không chắc chắn, và phá ảnh dùng mầm mà nhân, lửa và ánh sáng, đều do niệm trước hợp với sinh nhân.

1) Có niệm sau ngọn lửa, ánh sáng chung khởi, chẳng phải là ngọn lửa đồng thời mà nhân cho ánh sáng, lý như trước đã nói.

2) Phá mầm mà nhân cho ảnh, các vật bên đông che ánh sáng bên tây có bóng hiện chỗ có ánh sáng đã bị che phân biệt sinh bóng chỗ khác, vì sao nói mầm mà nhân của bóng, theo lý thì không đúng, cho đến lý thành nhân quả: Là Hữu bộ giải thích, nay ta nói câu hữu nhân quả, tùy nhân có không mà quả có không, mầm và hình ảnh cũng vậy, như nhân thiện rõ ràng nói tướng nhân quả, hoặc đây có kia chắc chắn có theo, hoặc đây không thì kia chắc chắn không theo. Đây chắc chắn mà nhân, có kia chắc chắn mà quả, trong pháp câu hữu hề có một thì tất cả có, hề một không thì tất cả không, lấy lý này nên thành nhân quả, luận chép:

26. Kinh bộ đúng đoạt:

Câu khởi nhân quả cho đến làm nhân quả lẫn nhau: kinh bộ tưng đoạt, tưng thì nhân quả đồng thời mà đoạt lại mà nhân quả lẫn nhau .

Luận chép: Tức do trước nói, ở đây cũng không trái trước nói một có tất cả có, chẳng phải ngay đó chỉ chứng nhân quả đồng thời, ở đây cũng có chứng minh làm nhân quả lẫn nhau, như trước đã nêu không do nhân câu hữu, nên thành nhân, tạo sắc lẫn nhau không lìa nhau. Tạo sắc, đại chủng, tùy tướng, cùng bốn pháp, đều không lìa nhau nên làm nhân lẫn nhau, Luận chép: Nếu cho rằng ba cây cho đến nối tiếp

giữ gìn khiến an trụ nhân câu hữu, giống như ba cây nương nhau đều có sức làm nhân câu hữu. Hữu đối tạo sắc câu khởi đối nhau không có sức nên không thành nhân, nên tư duy ba gậy như vậy đều do năng lực nương nhau an trụ, là do sinh nhân trước duyên hợp lực mà ba cây kia cùng khởi trụ? Hiện thấy ba cây gậy kia ngoài ba gậy cũng phân biệt có vật riêng như dây, móc câu v.v... liền nhau đất nâng cho đứng vững. Như ngoại đạo dụ phương Tây có lửa, ba cây xếp hàng trên châm lửa lưới dây trên đặt móc câu, dùng dây buộc chặt ba cây chôn xuống đất, Kinh bộ chấp ba cây đứng do trước nghĩ dây, móc xích, khiến niệm sau ba cây đứng.

27. Luận chủ chấp nhận nghĩa nhân câu hữu của Hữu bộ:

Luận chép: Ở đây cũng có dư cho đến nghĩa Nhân được thành, Luận chủ chấp nhận nghĩa nhân câu hữu của hữu bộ, dây, móc xích... như nhân đồng loại, ba cây nương nhau như nhân câu hữu. Đã nói tướng nhân câu hữu như thế, sau nói nhân đồng loại, nghĩa là pháp tương tự cùng pháp tương tự là nhân đồng loại, hoặc tương tự với pháp mà nhân gọi nhân đồng loại, tức nhân đồng loại gọi là nhân đồng loại. Hoặc dùng pháp tương tự mà nhân gọi là đồng loại nhân tức đồng loại là nhân gọi đồng loại nhân. Nghĩa chung cho hai giải thích, không bằng giải thích trước. Luận chép: Năm uẩn thiện cho đến nên biết cũng vậy, đây là giải thích riêng, trong đây, nhiệm là nói có cả bất thiện, hữu phú vô ký. Do hai pháp này làm nhân lẫn nhau. Nói vô ký chỉ có pháp vô phú vô ký, hữu phú vô ký không chỉ làm nhân cho vô ký, cho không chỉ dùng vô ký làm nhân. Nhân thiện nhiệm lại không khác nhau, năm uẩn vô ký thuyết khác khác nhau.

28. Sư thứ hai nói năm là sắc quả, bốn là nhân phi sắc:

Luận chép: Có luận sư nói cho đến bốn chẳng phải nhân của sắc, đây là sư thứ hai nói. Sư trước nói đồng với năm uẩn thiện v.v... Sư thứ hai nói năm là sắc quả, bốn là nhân phi sắc, là ý của Sư này do tánh của sắc yếu kém nên làm nhân cho thắng. Bốn uẩn vượt hơn sắc nên chẳng phải nhân của sắc. Luận chép: Có Sư khác nói, cho đến sắc chẳng phải bốn nhân, đây là giải thích thứ ba, là ý của Sư này do năng lực bốn uẩn vượt hơn và làm nhân cho năm uẩn, thế lực sắc uẩn yếu kém nên không mà nhân cho bốn. Luận chép: Có thuyết cho đến đều không làm nhân, do bốn uẩn, sắc uẩn tuy đồng vô ký sức yếu khác loại không làm nhân lẫn nhau. Bốn thuyết khác nhau, đã không có văn phê bình mà sao nói đúng? Vì trước nói là thiện vì đồng thiện nhiệm, trong tánh thiện nhiệm đã có sắc, bốn uẩn lần lượt làm nhân sao gọi vô ký nghiệp sắc, không

cùng bốn uẩn lần lượt mà nhân, trái với hai tánh.

Tâm thiện phát ra sắc thiện, thiện sắc cũng là nhân của bốn uẩn, vô ký phát vô ký nhân gì bốn uẩn, chẳng phải nhân của sắc nhân đồng loại yếu là nhân tốt, do gì sắc yếu chẳng phải nhân của bốn uẩn, năm uẩn thiện v.v... sắc tâm có khác, xoay vẫn làm nhân, sắc tâm vô ký đâu đối nhau đều không thành nhân. Có người hiểu lầm luận Ba-sa, vọng đoán thuyết sau là đúng, các luận đều có bốn thuyết và không có lời bình, nay theo Luận sư sau là đúng. Luận Bà-sa quyển một trăm ba mươi mốt chép đại chúng và ý xứ là mấy duyên? Đáp: Sở duyên tăng thượng. Ý xứ và đại chúng là mấy duyên? Đáp: Nhân, tăng thượng; Nhân là một nhân đó là nhân dị thực, còn tăng thượng như trước đã giải thích.

Giải thích: Bốn đại vô ký đối với ý xứ xoay vẫn đối nhau, không nói có nhân đồng loại, biết sắc uẩn vô ký đối với bốn uẩn vô ký xoay vẫn đối nhau, chẳng phải nhân đồng loại. Năm uẩn vô ký xoay vẫn làm nhân, đâu phải tất cả sắc uẩn đều xoay vẫn làm nhân. Nói xoay vẫn làm nhân đó là nghiệp vô ký, sắc làm nhân cho bốn uẩn, chẳng phải dị thực sinh và tăng ích. Bốn đại chẳng phải nghiệp sắc mà sao thành chứng minh? Lại, luận trước nêu nghĩa đúng đồng với thiện, nhiệm sau nêu ba thuyết bất định, của Sư khác, vì sao dùng thuyết của Sư khác để phá bản tông.

29. Giải thích đồng thân khác vị:

Luận chép: Lại trong một thân cho đến làm nhân cho pháp khác, giải thích là đồng thân khác vị, trong một thân trước cùng nhân sau chẳng phải nhân trước sau. Hoặc đối với các thân nên suy nghĩ chọn khác thân mười địa vị làm nhân, trong thai có năm địa vị tổng cộng thành mười vị. Khác thân là thân quá khứ vị lai, đồng loại là căn cảnh đồng loại, mỗi mỗi cùng mười vị làm nhân là vị sau sinh pháp cùng vị trước không sinh mà nhân.

Luận Bà-sa quyển mười tám phê lời bình: Nên nói rằng ngoài mười vị của thân mỗi vị đều cùng các thân mười vị và mười vị thân này làm nhân đồng loại, mười vị thân này mỗi vị đều cùng mười vị thân này và mười vị thân khác làm nhân đồng loại, vị sau đã sinh pháp cùng vị trước bất sinh pháp vì cũng làm nhân đồng loại. Luận này không giống luận Bà-sa, một bên thân này y theo thuyết sinh, một bên thân này gồm thuyết bất sinh, theo Luận Chánh Lý hoặc y theo vị thuyết vị yết-thích-lam cùng mười vị làm nhân đồng loại, át bộ đàm v.v... chín vị mỗi vị đều trừ vị trước cùng cái khác mà nhân, vị sau trông mong trước chỉ có duyên nghĩa. Nếu như vậy đầu tiên yết-thích-lam sắc lẽ ra không có

nhân, sắc già sau rốt lẽ ra không có quả nên lý không đúng. Sư này và luận này thuyết trước nghĩa đồng. Trong một thân y theo sinh mà nói vì sao vị trước không nhân vị sau không quả, lại có sư nói mười vị sinh trước mỗi vị đều cùng mười vị sinh sau đều tự loại sắc nhân đồng loại. Do góc cạnh này ngoài tất cả phần đều đối với tự loại, Như thế nên nói đồng với luận này sau nói đã nói tự loại, khác loại chắc chắn không làm nhân, Luận chép: Hoặc không chấp nhận sắc cho đến nhân tăng thượng, nêu thuyết của Sư khác trái với luận này.

Luận Chánh Lý chép: Thí dụ giả nói các sắc chắc chắn không có nhân đồng loại, chỉ do các duyên hòa hợp giúp nhau mà được lớn lên, vì hiện tại từ giếng xuống đào ra trong bùn có mầm mọc, chẳng phải dưới đất sẵn có hạt giống, mầm từ đâu mọc lên. Nên biết sắc pháp không nhân đồng loại. Kia chấp trái hại, điều mà luận này nói, nên luận này nói: Đại chúng quá khứ, đại chúng vị lai nhân tăng thượng v.v..., lại không có nhân khác, chỉ có nhân đồng loại. kia nói: Ta nói không trái với đây, do duyên tăng thượng có gần có xa, như kế nói là nhân, tăng thượng không cách nào trốn tránh, đối nói lời này. Tuy dường như thuận văn mà thật ra trái lý, lại chẳng chấp nhận sắc có nhân đồng loại, đối với lý, đối với văn có chỗ trái hại; nhưng từ giếng xuống đào ra trong bùn mọc mầm v.v..., trước kia có hạt giống liên quan hòa hợp duyên chưa nảy mầm, nay duyên hòa hợp mầm mới mọc. Hoặc trong bùn kia không có nhân đồng loại nên được sinh, nên sinh tất cả hoặc hoàn toàn không sinh, vì không có nhân nhất định.

30. Luận Bà-sa về nhân:

Luận Bà-sa quyển một trăm ba mươi một hỏi đồng đường đồng địa xứ khác nhau xoay vần đối nhau là có nhân hay không? Có thuyết cho là không nhân điều này không đúng lý, lẽ ra có đại chúng là Sát-na, đó là năm tịnh củ tất cả đại chúng, vì từ vô thủy sinh tử chưa hề khởi, ở đây y theo này sinh xứ tuy khác là nhân đồng loại, nhưng mắt phải không làm nhân cho mắt trái, thân căn không làm nhân cho các căn. Vị trước làm nhân cho vị sau thì y theo đồng loại, mà nói chẳng phải lúc yết-thích-lam thân căn làm nhân cho mắt sau, luận chép: Vì các tướng tự làm nhân đồng loại. Văn sau phân biệt năm bộ chín địa, trước hỏi sau đáp, đây là hỏi. Luận chép: Không như thế thì sao, cho đến tự bộ tự địa: Là lại hỏi đáp, trước đáp chung, sau giải thích riêng. Luận chép: Bộ là năm bộ cho đến Vô Sắc có tám, khai năm bộ thành chín đại, luận chép: Trong đây thấy khổ cho đến chẳng phải thứ khác, năm bộ mỗi bộ tự làm nhân, luận chép: Trong đó mỗi bộ, cho đến không có nghĩa nhân, đây là

nói năm bộ mỗi bộ đều riêng, còn chín địa đều mà nhân riêng. Đây chỉ nói tự địa, tự bộ không chọn đường xứ.

Cho nên biết đường xứ khác nhau, khởi phiền não làm nhân lẫn nhau, vì đồng trói buộc.

31. Đồng địa khác xứ:

Luận Bà-sa quyển mười bảy thì nhà phê lời bình: Đồng địa khác xứ, khởi phiền não xoay vần ràng buộc nhau, tùy loại lần lượt làm nhân đồng loại nhưng trừ khác bộ, năm bộ tùy miên, trói buộc giới hạn có khác nhau, luận chép: Lại chẳng phải tất cả là nhân đồng loại, rõ nhân trước sau, nói trước sinh cùng sau sinh đó là quá khứ sinh trước cùng quá khứ sinh sau và pháp sinh ở hiện tại vị lai. Quá khứ sinh sau cùng pháp sinh ở hiện tại vị lai, pháp sinh ở hiện tại cùng vị lai đều gọi là sinh trước và sinh sau. Các pháp bất sinh gọi là bất sinh, pháp sinh trước và pháp bất sinh sau làm nhân. Mặc dù đời vị lai cho đến pháp sinh tương cũng là sinh trước, trong đây y theo đã sinh, mà nói tuy tương sinh chưa vượt khỏi vị lai, nhưng luận này hỏi như thế, dưới đây là nói đời vị lai không có nhân đồng loại, có sáu nạn:

- 1) Vô thời phi nhân.
- 2) Nhiễm ô khổ đế.
- 3) Nhân quả chắc chắn.
- 4) Xưa không nay có.
- 5) Phi tâm nhân pháp.
- 6) Nhiễm ô nhãn thức.

Bốn điều trước luận này có văn, hai điều sau Bà-sa có nói. Luận chép: Nhưng tức luận kia cho đến không có lỗi, là bậc nhất bất bề rằng:

32. Nói về nhân đồng loại:

Hoặc đời vị lai không có nhân đồng loại, đến đời hiện tại mới có nhân, đây tức là hữu thời tác nhân, hữu thời bất tác nhân, vì sao luận này hỏi như vậy? Hoặc pháp làm nhân cho pháp kia, hoặc thời pháp này kia chẳng làm nhân cho pháp, là luận kia tự đáp, không có thời chẳng phải nhân, nên biết vị lai có nhân đồng loại, nhân duyên trong bốn duyên, nương bốn duyên đặt câu hỏi, luận Bà-sa có bảy thuyết khác nhau. Một là kia y theo nhân câu hữu mà soạn luận, do nhân câu hữu có cả pháp hữu vi, vì đích thân có thể hiện quả ở khắp ba đời. Hai là kia nương hai nhân là tương ứng, và câu hữu mà soạn luận, do hai nhân này đều khắp ba tánh, thân năng nói quả có khắp ba đời. Ba là kia y theo ba nhân tương ứng câu hữu, và dị thực mà soạn luận, vì ba nhân này thân

năng hiện quả có cả ba đời. Bốn là kia y theo bốn nhân tương ứng, câu hữu, dị thực, năng tác soạn luận, vì bốn nhân này có cả ở ba đời. Năm là kia y theo năm nhân soạn luận trừ nhân năng tác, vì khắp tất cả pháp đều không ngăn ngại. Sáu là trong đây có thuyết trừ nhân biến hành, vì thể dụng hạn hẹp. Bảy là nên thuyết kia y sáu nhân soạn luận, nhân gọi là sở biểu có ở cả sáu nhân. giải thích rằng: Ở đây nói là đúng, nhân gọi là sở biểu, có ở cả sáu nhân, luận này hỏi đáp, đã hỏi về nhân duyên, nhân gọi là sở biểu có cả sáu nhân.

33. Nói về nhân năng tác:

Trong nhân năng tác bốn đại tạo sắc năm nhân duyên, hỏi: Đã có cả sáu nhân ư? Đáp: Cũng gồm cả sáu nhân là lúc đã làm nhân không có thời gian không làm nhân. Như Luận Chánh Lý giải thích có thể làm nhân sau vô thời chẳng phải nhân. Đây y ba nhân câu hữu - tương ứng và dị thực mà soạn luận cũng giống luận Bà-sa, hoặc pháp làm nhân cho pháp kia, vô thời pháp này chẳng phải nhân có pháp kia. Chẳng lẽ không có quá khứ, hiện tại làm nhân cho kia vị lai chẳng phải nhân, bên trái với thuyết này, không trái với lỗi này. Đây là y theo câu hữu, tương ứng, dị thực, có cả nhân ba đời vì mật ý thuyết, có sự khác giải thích mặc dù ở đây nương cả sáu nhân soạn luận mà không có lỗi, vị lai không có đồng loại, biến hành, làm sao có thể nói vô thời phi nhân, vị lai tuy không có mà ý thuyết này, hay làm nhân sau vô thời phi nhân, vị lai chắc chắn cũng có đó là pháp hữu vi, vì chánh lúc sinh chắc chắn có thể làm nhân dứt các chương, y mật thuyết này nói vô thời chẳng phải nhân.

Nhưng chẳng phải thiện, do đời vị lai trước chánh sinh vị chẳng phải nhân đồng loại sau mới thành, nghĩa là vị lai chẳng phải có trước sau, y theo ba đời nói vô thường chẳng phải nhân, ý nói không có thời thứ tư. Nếu vậy vô quán duyên lẽ ra đồng thuyết này, nhưng luận này không chấp nhận, hoặc thời pháp này chưa sinh cho đến đã sinh chẳng phải Đẳng Vô gián, không có lỗi này, vì sao? Vì duyên Đẳng Vô gián y theo sức khai tránh, chẳng phải chánh sinh vị có công năng khai tránh, chủ yếu lúc sinh đã có khai tránh. Hoặc đã diệt gọi là đã khai tránh, nhân đồng loại như pháp hạt giống, chính sinh vị trụ trong chủng pháp, cho đến lúc đã sinh chính là năng lấy quả. Nên nhân chẳng phải loại duyên đẳng Vô gián. Lúc ở vị lai hai nghĩa nhân và duyên đều chưa tới, đâu được chỉ có nhân? Vì vô vi chẳng có nhân, giai đoạn chánh sinh ở vị lai đều có trước khi chưa sinh pháp, sao nói không có trước sau? Luận Chánh Lý chép: Vì các pháp quá khứ tuy đều là trước, mà lúc thủ chứng

quả đã chắc chắn trước sau, chẳng phải pháp vị lai lúc chánh sinh, tác dụng khác ngoài ra có thể lập trước sau. Hiện tại đã sinh vị, mới phân biệt vị lai để thành vị sau, vì đã tác dụng chấp kia mà quả.

34. *Nêu thuyết khác:*

Luận chép: Có người nói vị lai cho đến vô thời phi nhân, là nêu thuyết khác của Bà-sa. Luận chép: Kia đối với sở nạn cho đến chưa cho đến đã sinh, là Luận chủ bác bỏ. Luận chép: Nhưng kia giải thích cho đến không khéo đối với văn: Là nêu chống chế để phá, lời văn rất dễ hiểu. Luận chép: Cho nên, nên biết trước giải thích thiện, kết quy về ba nhân soạn luận là thiện. Luận chép: Nếu thế cho đến tức pháp bị dứt bỏ, thứ hai là nhiễm ô khổ đế, đây không phải nghĩa đúng, tông tụng Phẩm Loại Túc luận tiết văn thứ ba, khác nhau với nhà chánh nghĩa. Chánh nghĩa tông nói trừ vị lai có pháp tương ưng thân kiến, ở đây nêu chấp thân trừ pháp tương ưng, vì chấp thân vị lai từ quá khứ hiện tại sinh chấp thân, mà không thể sinh chấp có thân, vì vị lai đã không có đồng loại, hai nhân biến hành. Nên nêu chấp thân trông mong nơi chấp thân, không còn có nhân khác, nên nêu chấp thân trừ pháp tương ưng, do đó chỉ nói trừ chấp thân tương ưng khổ đế đời vị lai. Trừ chấp thân đời vị lai có thể sinh chấp thân, chấp thân cũng trông mong chấp thân, không nghĩa nhân của tương ưng, câu hữu, dị thực, đã nói chấp thân vị lai làm nhân cho chấp thân, thời biết nhân đồng loại. Đời vị lai không có trước sau nói trừ chấp thân.

Chắc chắn nhân quả hỏi sở y sở duyên, nhân chắc chắn y theo bốn nhân không y theo hai nhân đồng loại và biến hành. Quả chắc chắn đó là quả tăng thượng, sĩ dụng và dị thực, chẳng phải quả đẳng lưu, hoặc nhân đồng loại như thế nên xưa không mà nay có. Thừa nhận nên không có lỗi quả chẳng phải quả thể, chẳng phải thể xưa không nay có, sao chẳng phải tâm làm ra người pháp? Vì kia đã nhập chánh tánh lý sinh Bồ-đặc-già-la tâm vô lậu ban đầu, và các vị sinh chắc chắn sẽ nhập chánh tánh lý sinh sơ vô lậu tâm. Nhưng dị sinh kia vị lai đã có các tâm vô lậu, đều chẳng phải tâm làm nhân, vì sao chỉ nói tâm sơ vô lậu kia? Vì ở sinh vị lai vị có các vô lậu đều ở vị lai không có nhân đồng loại. Sao chỉ nói sơ vô lậu tâm chẳng phải nhân của tâm? Vì luận chỉ nói sơ vô lậu tâm không có nhân đồng loại, nên biết vị lai có nhân đồng loại.

35. *Nhập chánh tánh lý sanh:*

Hai thứ dị sinh đó là có pháp Bát Niết-bàn và không có pháp Bát Niết-bàn, có các dị sinh chắc chắn sẽ nhập chánh tánh lý sinh, cũng có dị sinh chắc chắn không nhập chánh tánh lý sinh. Y theo luận này có

pháp Niết-bàn gọi chẳng phải tâm làm người pháp, chắc chắn nhập chánh tánh ly sinh gọi là có pháp Niết-bàn, cũng gọi là chẳng phải tâm làm nhân pháp. Có người dẫn luận bà-sa rằng: Có Sư khác nói: Văn ấy không nói nghĩa của nhân đồng loại. Vì sao chỉ nói hai thứ dị sinh, đó là pháp Bát Niết-bàn và không có pháp Niết-bàn, nghĩa y theo lý môn hiển bày biết có, nghĩa là kia đã nói có dị sinh khác chắc chắn sẽ nhập Chánh tánh ly sinh, do nghĩa này mà y theo cũng có dị sinh chắc chắn sẽ nhập chánh tánh ly sinh, cũng có dị sinh chắc chắn không nhập chánh tánh ly sinh, gọi là không có pháp Niết-bàn, tức chẳng phải pháp Niết-bàn gọi là chẳng phải tâm làm nhân. Có người giải thích có pháp Niết-bàn có sơ vô lậu tâm cùng Niết-bàn làm chứng được liễu nhân, gọi là tâm làm nhân. Hoặc không có pháp Niết-bàn, không có sơ vô lậu tâm, cùng Niết-bàn mà chứng đắc liễu nhân gọi chẳng phải tâm làm nhân. Nay xét kỹ, văn này lẽ ra là người sao chép bị lầm, lẽ ra nó có pháp Niết-bàn gọi là chẳng phải tâm làm nhân pháp, đó là kia đã nhập chánh tánh ly sinh Bồ-đặc-già-la sơ vô lậu tâm và các dị sinh chắc chắn sẽ nhập chánh tánh ly sinh là sơ vô lậu tâm. Theo Văn Luận này thì hai hữu tình sơ vô lậu tâm là chẳng phải tâm làm nhân pháp. Có luận sư giải thích có các dị sinh chắc chắn sẽ nhập chánh tánh ly sinh, sét theo nghĩa này cũng có dị sinh chắc chắn không nhập chánh tánh ly sinh, gọi là không có pháp Niết-bàn. luận tung chẳng nêu không có pháp Niết-bàn và chắc chắn nhập chánh tánh là có pháp Niết-bàn. Lại chắc chắn sẽ nhập chánh tánh ly sinh, là chẳng phải tâm làm nhân pháp, là có pháp Niết-bàn, vì sao nói không có pháp Niết-bàn gọi là chẳng phải tâm làm nhân. Nên biết có pháp Niết-bàn gọi chẳng phải tâm làm nhân.

Vì sao nói có pháp Niết-bàn là chẳng phải tâm làm nhân? Pháp sư thâm giải thích Niết-bàn là phi tâm, sơ vô lậu tâm làm nhân cho Niết-bàn, gọi là phi tâm nhân pháp. Nay xét kỹ phi tâm làm nhân là không dùng tâm làm nhân, tâm vô lậu chỉ có tâm đồng loại làm nhân duyên cho tâm, sơ vô lậu tâm không có tâm làm nhân. Theo Luận Chánh Lý có sư khác giải thích: Văn ấy cũng nói nghĩa của nhân đồng loại, nhưng kia chỉ nói nếu tâm rất ráo chẳng phải tâm làm nhân, tuy kia chưa nhập chánh tánh ly sinh, các tâm vô lậu đều chẳng phải tâm làm nhân. Nếu nhập chánh tánh ly sinh chỉ có sơ vô lậu tâm là chẳng phải tâm làm nhân pháp, ngoài ra tâm đều dùng tâm làm nhân. Luận Chánh Lý chép: Thức Thân Túc Luận nói làm sao hiểu, như luận ấy nói đối với quá khứ nhiễm ô nhãn thức tất cả tùy miên, kia đối với tâm này hoặc năng làm nhân chẳng phải tùy tăng, hoặc chỗ tùy tăng không thể làm nhân, hoặc

có thể làm nhân cũng tùy tăng, hoặc không thể làm nhân cũng chẳng tùy tăng, vả lại năng làm nhân chẳng tùy tăng.

Các tùy miên ở tâm này trước đồng loại, biến hành, tùy miên thì kia hoặc không duyên theo đây. Nếu duyên đã dứt và tương ứng tùy miên này đã dứt là tùy tăng không thể làm nhân, đó là các tùy miên tại tâm này sau đồng loại, biến hành, thì tùy miên kia duyên đây chưa dứt. Có thể làm nhân kia cũng tùy tăng, đó là các tùy miên ở tâm này trước đồng loại biến hành, tức tùy miên kia duyên này chưa dứt và tương ứng miên chưa dứt này không thể làm nhân cũng chẳng tùy tăng đó là các tùy miên ở tâm này sau đồng loại, biến hành, tức tùy miên kia hoặc không duyên đây, nếu duyên rồi dứt các duyên còn lại hoặc tha tùy miên, hoặc khác nhau giới biến hành tùy miên. Như quá khứ nhiễm ô nhân thức kia, vị lai nhiễm ô nhân thức cũng thế, bốn trường hợp quá khứ lý kia có thể đúng, vị lai sao có thể lập bốn trường hợp. Giải thích: Vị lai nhân thức tùy miên không trước sau, làm sao được nói như bốn trường hợp?

36. Tạo ra ba trường hợp:

Luận Chánh Lý lại giải thích kia ở vị lai nên tạo ba trường hợp trừ tùy tăng không thể làm nhân vì không có trước sau, nhưng nói vị lai như quá khứ hiển rõ đúng lúc sinh sẽ nhập hiện tại. Hy vọng các pháp khác chưa khởi nên lập làm trước, đối đây có thể nói vì ngoài ra gọi là sau. Lại vị lai cũng có bốn trường hợp, không nói vị lai có tâm trước sau, đồng với quá khứ, đó là có đồng loại, biến hành tùy miên, ở đời vị lai đối với nhiễm ô nhân thức ở vị lai kia, duyên mà chưa dứt, là tùy tăng không làm nhân. Giải thích rằng: Trong đây nói nhân là nhân duyên, năm nhân tùy có đều được gọi là nhân, nói tùy tăng có cả tương ứng, sở duyên theo kia có một đều gọi tùy tăng. Văn Luận Chánh Lý giống như luận Bà-sa, hoặc nhân đồng loại cho đến có lỗi gì, trên nói đời vị lai không có nhân đồng loại, có sáu lìa, văn sau nói đời vị lai có nhân đồng loại có hai nạn một, luận này không nói nạn, hai là làm nhân quả lẫn nhau, hỏi sẽ có lỗi gì? Là hỏi.

Luận chép: Vị lai nếu có, theo luận này nói thứ nhất này là nạn vấn. Luận chép: Luận này chỉ nói cho đến nên không có lỗi, đây là nhà không phải nghĩa đúng. Giải thích trong luận này không nói nạn, luận này chỉ nói chấp nhân quả, vị lai không chấp, cho nên không nói. Luận chép: Không có nghĩa như thế, cho đến không có nhân đồng loại: Là Luận chủ bác bỏ, quả đẳng lưu chắc chắn quả sau nhân trước, vị lai đã không có trước sau, vì sao có nhân đồng loại dẫn quả đẳng lưu, vị lai sẽ

sinh trước sau không chắc chắn. Nếu đời vị lai trước là quả, hoặc gặp duyên sinh trước, thì nhân ở vị lai, quả ở quá khứ, hiện tại, tức là pháp đã sinh là quả, pháp chưa sinh là nhân. Như pháp quá khứ chẳng phải quả hiện tại, nên biết không có pháp vị lai; Quá khứ, hiện tại là quả, vì quả trước nhân sau, nên đời vị lai không có nhân đồng loại. Nếu như vậy nhân dị thực cho đến không có trước sau, người ngoài dẫn nhân dị chấp làm ví dụ để bắt bẻ. Luận chép: Không có lỗi như thế thì cho đến đời vị lai chẳng phải không: Là Luận chủ giải thích, lời văn rất dễ hiểu.

37. Nói về nhân đồng loại:

Luận Chánh Lý chép: Nếu thế nhân dị thực cũng chẳng phải vị lai có, kia đây chẳng phải loại, vì sao? Nhân đồng loại này khéo bình đẳng với quả đẳng lưu không khác, nếu không có trước sau lẽ ra làm nhân lẫn nhau, đã làm nhân lẫn nhau thì làm quả lẫn nhau. làm nhân quả lẫn nhau thì trái với lý, đã không có lý ngăn làm quả lẫn nhau thì lẽ ra chấp nhận có quả ở nhân trước. cũng có hai tâm làm nhân lẫn nhau, cho nên trái với văn luận Phát trí. Như trên tức là bắt bẻ làm nhân quả lẫn nhau.

Luận Bà-sa chép: Hỏi, nếu đời vị lai có nhân đồng loại thì hai tâm làm nhân lẫn nhau quả?

Đáp: Như bốn hành tướng đều lệ thuộc lẫn nhau, các pháp khác, cũng thế nên không có lỗi này, nghĩa là hành tướng vô thường ở vị lai, có bốn hành tướng lẽ ra Vô gián sanh, vì kia là sơ tu lệ thuộc ở đây. Hành tướng vô thường làm nhân cho kia, vì kia chẳng phải nhân này lệ thuộc đây, hành tướng vô thường khởi chắc chắn là trước, hành tướng khổ, không vô ngã cũng thế. Các pháp hữu vi còn lại nên biết không có hai tâm làm nhân quả lẫn nhau, hoặc có y Tĩnh lực thứ tư đắc quả A-la-hán, hay tu vô lậu cửu địa ở vị lai. Tu vô lậu đều lệ thuộc đây, nên sau y các địa Thánh đạo hiện ra trước, lại không thể tu vô lậu vị lai, vì không có Thánh đạo lệ thuộc, nên quá khứ, hiện tại chẳng phải nhân đồng loại, cho nên trái với điều nói trong đây, trước sinh gốc lành nhân đồng loại với sanh sau, cho đến nói rộng, không có lỗi này, cho nên đời vị lai không có nhân đồng loại, đối với lý là tốt.

38. Nói về hữu lậu vô lậu:

Luận chép: Nói nhân đồng loại cho đến chắc chắn dựa vào đâu: Dưới đây là nói hữu lậu vô lậu mà nhân khác nhau? Chắc chắn nương pháp hữu lậu đều làm nhân lẫn nhau văn trước nói nhân đồng loại chỉ tự địa, y hữu hoặc y vô lậu chín địa lần lượt làm nhân, vì sao? Vì hữu lậu

khác địa chẳng phải nhân, vô lậu khác địa làm nhân lẫn nhau? Vì các địa do đồng loại, một là như khách trọ hai là không đọa giới nhiếp ba là các địa ái chấp đã có. Do ba nhân này địa tuy khác nhau lần lược mà nhân vì đồng loại, nhưng chỉ được cùng gia hạnh sinh, giải thích chung bình đẳng, thắng mà nhân. Đã sinh gọi là đẳng, nhân gọi là Thắng. Không có thắng, khổ pháp trí nhân rồi sau các vô lậu, trí vô sinh kia chỉ dùng đẳng mà nhân vì không có thắng, vì khác nương Thánh đạo không có nhân. Tận trí trở xuống đều làm nhân cho đẳng thắng.

Luận Chánh Lý thì do đạo đế tuy địa khác nhau xoay vẫn làm nhân, vì đồng chủng loại, nhưng chẳng phải tất cả là tất cả nhân cùng gì mà nhân? Đó là đẳng, thắng quả, gia hạnh sinh nên chẳng phải nhân yếu kém, sơ định Thánh đạo có y sơ định, có y vô sở hữu xứ, nhị định đẳng đạo nên biết cũng vậy. Y tự địa, thượng địa có, y địa dưới không, đó là y sơ định sơ định Thánh đạo cùng y chín định chín địa Thánh đạo làm nhân đồng loại. Đây chỉ dùng y sơ định đạo làm nhân đồng loại, không dùng y thượng Thánh đạo làm nhân, vì tánh yếu kém. Y định thứ hai sơ định Thánh đạo, trừ y sơ định cùng y các định chín địa Thánh đạo làm nhân đồng loại. Đây chỉ dùng y sơ, định nhị định chín địa Thánh đạo làm nhân đồng loại, chẳng y địa trên cho đến, hoặc y vô sở hữu xứ sơ định Thánh đạo, chỉ dùng nương chín địa Thánh đạo của vô sở hữu xứ này làm nhân đồng loại. Nhưng y chín địa sơ định Thánh đạo các định Thánh đạo y theo chín địa, tùy theo kia rộng suy nghĩ lựa chọn.

Luận chép: Đã sinh cho đến nhân đồng loại, ở đây nói ba đạo thấy đạo, tu đạo, vô học đạo, làm nhân khác, luận chép: Lại ở trong đây cho đến là nhân đồng loại. Đây là nói lợi độn là nhân khác nhau.

39. Nói về nhân lợi độn khác nhau:

Luận Chánh Lý chép: Lại các đã sanh thấy đạo, tu đạo và vô học đạo, tùy theo thứ lớp có ba, hai, một là nhân đồng loại, xoay vẫn làm nhân cũng không trái lý. Vì sao sau sinh thắng vô lậu đạo, hay cùng đạo vô lậu sinh trước làm nhân đồng loại mà không trái lý, ai nói thắng sinh sau mà nhân kém sinh trước. Trước sinh độn căn chủng tánh tu đạo cùng, với tự nối tiếp vị lai chắc chắn, không sinh lợi căn chủng tánh thấy đạo làm nhân đồng loại, vì sao chướng ngại, tất cả hữu tình đều phân biệt nối tiếp. Pháp nhĩ an lập sáu chủng tánh, vô học đối với trước nên biết cũng thế, nhưng có khác nhau nghĩa là có Thánh đạo vô học đời trước, tự nối tiếp đời sau tu đạo làm nhân đồng loại, vô học lui sụt rồi. Trong tu đạo có thể chuyển sinh lợi căn, nếu thế thì trái với bốn luận, như đã nói tri căn và vị tri đương tri căn là sở duyên, tăng thượng chẳng phải nhân.

Đẳng Vô gián như vậy cụ tri căn đối với hai căn cũng thế, ở đây không trái với ý hữu dư, như văn trước nói, ý văn hữu dư chỗ nào cũng có, tức là những thứ này, cho nên nói có ý văn hữu dư, nay trong văn này có ý nói y đời sau, căn tánh dĩ tri căn như thế, thì hy vọng đời trước căn tánh như vậy đã gồm chưa hết căn thâm nói như thế, là sở duyên tăng thượng chẳng phải nhân đẳng Vô gián yếu kém. Sanh sau, văn này chỉ nói đã khởi tác dụng, y nối tiếp chuyển các căn vô lậu, như nói hữu dụng pháp thế đệ nhất, nếu thế hữu tình đều phân biệt nối tiếp, pháp nhĩ an lập ba thừa Bồ-đề, thì đạo Thanh Văn thừa được làm nhân cho Độc giác, thừa đạo Phật thừa đạo. Độc giác thừa đạo làm nhân do Phật đạo, không có lỗi này vì tánh rất xa, hoặc đã bước lên đạo Thanh Văn, không sinh các thừa đạo khác, hoặc đã lên tùy tín hành đạo, tùy pháp hành đạo, không còn sinh nữa. Thế thì đời trước tùy Tín hành đạo cùng đời vị lai cuối cùng không sinh tùy pháp hành đạo, lẽ ra không làm nhân, độn căn có thể chuyển thành lợi căn, do tùy tín hành căn các uẩn nối tiếp, có chuyển đặc thuộc tùy pháp hành, uẩn nối tiếp căn, chẳng phải do nên Thanh Văn thừa đạo các uẩn nối tiếp, có thể chuyển đặc Độc giác, Phật thừa uẩn nối tiếp đạo, tuy không phải xứ mà giả phân biệt. Hoặc trong thấy đạo có xuất quán, tùy tín hành đạo cũng có chuyển đặc tùy pháp hành căn nhưng không xuất nghĩa nên căn khác nhau, khác nhau với thừa. Nay xét thấy, Thánh đạo lược có ba tiết chủng tánh, vị trước sau và sở y địa, trong đó chủng tánh gần gũi nhất, kế trước sau vị sau y các địa, sở dĩ biết được thứ lớp như vậy, đồng y các địa tu cửa địa đạo, nhân hạ và thượng chẳng phải nhân thượng hạ.

Dựa theo y này, Thượng địa thấy đạo cùng địa dưới tu đạo và đạo vô học là nhân đồng loại nên biết địa thừa thớt vị. Lại y độn vô học đạo, đặc lợi căn hữu học mà nhân nên biết vị sơ chủng tánh, Luận Chánh Lý chép: Nói theo tế thì luận Câu-xá, v.v... thuận với luận này, Luận chép: Các địa cõi trên cho đến hoặc bằng hoặc hơn, là hỏi do nhân thêm lớn cho đến làm nhân vị lai, là đáp. Luận chép: Vì chỉ có Thánh đạo cho đến là nhân chẳng yếu kém, là hỏi đáp. Luận chép gia hạnh sinh pháp thế kia thế nào? là hỏi gia hạnh sinh thế? Luận chép: Vì văn sở thành là nhân chẳng yếu kém, là lược đáp chung. Luận chép: Như cõi Dục hệ do không có nên yếu kém, đây là chỉ cho sự đáp. Luận chép: Các pháp như thế cho đến trừ yếu kém trước, cho đến trong đồng địa văn, tứ, tu tuệ lại chia ra chín phẩm làm nhân cho đẳng thắng. Luận chép: Sinh đặc thiện pháp cho đến nhiễm ô cũng thế, là nói sanh đặc thiện. Luận Chánh Lý thì sinh đặc thiện làm nhân cho gia hạnh thiện, chẳng phải

gia hạnh thiện làm nhân cho sinh đắc thiện vì sự yếu kém kia. Sinh đắc thiện cũng có chín phẩm, tất cả đối nhau lần lược mà nhân, vì chấp nhận mỗi pháp sau đều hiện tiền, vì trong nhất tâm định được tất cả. Nhưng do hiện hành dị thực chín phẩm có thể thiết lập chín phẩm khác nhau, chín phẩm nhiệm ô nên biết, do đối trị có chín phẩm, có thể thành lập có chín phẩm khác nhau, luận chép: Vô phú vô ký cho đến hai một là nhân. kể là nói vô phú vô ký là nhân khác nhau y theo nghĩa đồng loại dị thực chín phẩm lần lược mà nhân, còn hai thứ làm nhân cho đẳng thắng, vì chẳng phải gia hạnh sinh.

40. Hỏi đáp phân biệt:

Luận chép: Hóa tâm cõi Dục cho đến mà không được gì: ở đây nói hóa tâm là nhân khác nhau, Luận chép: Vì có nghĩa như thế nên có lời hỏi rằng: Dưới đây là hỏi đáp phân biệt. Luận chép: Vì có đã sanh cho đến đối với tất cả yếu kém; đây là nói pháp thắng đã sanh không làm nhân cho yếu kém chưa sanh. Luận chép: Chỉ có một thân cho đến vị lai không có là nói sau tuy yếu kém nhưng chẳng phải trước là nhân tốt. Luận chép: Lại có sanh trước cho đến vì kia yếu kém: Là nói trước đã sinh pháp vô lậu tốt đẹp, chẳng phải sau đã sinh nhân vô lậu thấp kém. tâm, tâm sở thuận theo nhau cùng nghĩa tương ứng gọi nhân tương ứng, tức dùng pháp tương ứng mà nhân là trì nghiệp thích, pháp tương ứng là nhân thuộc y chủ thích. Luận chép: Hoặc sở duyên cho đến là nhân tương ứng, có đồng một sở duyên, đồng một hành tướng, đồng thời, đồng y, do một sở y quan trọng nhất là tâm tâm sở cùng một sở y. Có đồng một sở y đồng một sở duyên, theo Văn xuôi giải thích đồng một Sát-na, có hai thứ định sở y đồng và hiện khởi đồng, định sở y đồng như một Sát-na nhân có cả ba tánh thức y, trong nhiệm thức chung với tham, sân ... y, nhưng pháp này tuy đồng một y mà không tương ứng, nên biết tuy đồng y một Sát-na mắt mà cũng không tương ứng. Phải hiện khởi đồng một Sát-na mới tương ứng, hoặc nhãn thức dùng Sát-na mắt này mà chỗ nương, tương ứng thọ bình đẳng làm sở y cho dùng mắt này. Y theo Sát-na hiện khởi mà chỗ nương, do nghĩa đó tạo ra bốn trường hợp. Có đồng một y, chẳng đồng thời v.v... đó là ba tánh thức, đồng một căn dùng mà y định lúc khởi khác nhau và cảnh bất định. Hai là lúc khởi tuy đồng mà sở y khác như mọi người ngắm trăng đều rất dễ hiểu, Luận chép: Thể của nhân tương ứng cho đến nghĩa đâu có khác nhau. Pháp tâm, tâm sở là tương ứng nhân thể, cũng là thể của nhân câu hữu, đã là một nhân lẽ ra không có hai, chắc chắn trong đó có tướng riêng, hai nhân như thế có gì khác nhau? Do làm nhân lẫn nhau làm quả lẫn nhau

nên tương khác nhau.

41. Thí dụ làm sáng tỏ:

Như những người đi buôn nường vào nhau cùng đi qua đường hiểm trở, do nường nhau mà qua được con đường hiểm trở, tức lẫn nhau mà quả cũng làm nhân lẫn nhau. Như sự việc của bạn bè đi buôn cùng chia cùng ăn, trong đó thiếu một thì không tương ứng, cho nên cực thành làm nhân lẫn nhau. Hỏi như những đi buôn cùng đi thiếu một vì sao đều không tương ứng? Những người đi buôn này lúc đi phải cùng đi, lúc ở phải cùng ở, lúc ăn cùng ăn. Nếu một người không cùng các việc đó tức là không ở không đi không ăn... Hoặc nhân tương ứng là nhân câu hữu, nghĩa của hai nhân này có gì khác nhau? Đáp: Chẳng tương ứng nhân tức là nhân câu hữu, do nghĩa của hai nhân này khác nhau, nhưng một pháp là nhân tương ứng cũng là nhân câu hữu. Chữ sai khác là không lia nhau là nhân tương ứng, đồng một quả, là nhân câu hữu lại do năng lực xoay vần đồng sinh, trụ v.v... là nhân câu hữu, hoặc năng lực xoay vần đồng duyên một cảnh là nhân tương ứng.

42. Nói về nhân khác nhau:

Theo hai bộ luận này nói về nhân khác nhau, nên biết có sáu nhân nói khác y theo dụng chẳng phải thể, tướng đó bao gồm cũng là dụng chẳng phải thể. Văn sau nêu nhân thể đó là các pháp biến hành đã sinh trước, các pháp nhiệm ô đồng địa sau là nhân biến hành cũng có quả thể. Trong phẩm “Tùy Miên” biến hành có ba.

Biến tùy miên năm bộ pháp đó là mười một tùy miên; b/ duyên khắp năm bộ pháp, là mười một pháp tương ứng; c/ biến hành cùng năm bộ pháp mà nhân gồm bốn tướng, vì làm nhân khắp cho năm bộ pháp nhiệm gọi là nhân biến hành. Tùy miên có ba biến, pháp tương ứng có hai biến, bốn tướng có một biến, Luận chép: Vì cùng pháp nhiệm cho đến cũng lớn lên, là giải thích lý do ngoài nhân đồng loại thành lập riêng. Đây cùng pháp nhiệm là thông cả nhân tức là nghĩa biến, nhân đồng loại chỉ cùng tự bộ, tự địa mà nhân, nhân biến hành làm nhân cho tất cả pháp nhiệm tự địa, thế lực không giống nhau nên lập riêng, cũng mà nhân cho các bộ pháp nhiệm khác. Vì thế lực các bộ phiền não và quyền thuộc kia cũng lớn lên là giải thích chung về nhân.

Luận Chánh Lý thì các phiền não thuộc từ bộ, hai nhân đồng loại, biến hành có gì khác nhau? Do chấp có thân các ái được sinh, các ái cũng năng sinh chấp có thân, hai tướng khác nhau mà sao biết được? Hai thân tự bộ cũng có khác nhau, đó là chấp ngã làm cho các ái sinh khởi vững chắc thêm rộng mạnh mẽ. Vì ngã ái duyên khắp các cảnh ái,

ái mà cho chấp kiến sinh khởi vững chãi mà thêm rộng lớn mạnh mẽ, vì không thể duyên khắp cảnh chấp kiến. Do các biến hoặc lần lượt đối nhau đều có thể duyên khắp cảnh sở duyên, mỗi biến hoặc đều có thể lẫn nhau khiến sinh khởi vững chắc thêm rộng mạnh mẽ. Nên hai nhân này đều khác nhau. Đồng thời đồng phẩm có thể là hai nhân đồng loại, biến hành có gì khác nhau? Tuy đồng thời chứng hai quả lưu đẳng làm, quả tự bộ tăng mạnh không phải thứ khác nên hai nhân kia cũng có khác nhau, tự bộ tăng mạnh là do hai nhân môn nuôi lớn, vì đây làm kia gần sinh nhân, khiến kia thêm rộng lớn mạnh mẽ.

43. Hỏi đáp rộng:

Luận chép: Trong thân bậc Thánh, cho đến là nhân biến hành, là hỏi vị Thánh hữu học đã dứt biến hoặc, há cũng dùng pháp đã dứt này mà nhân tu hoặc hay cũng mà nhân dứt và không dứt có gì khác nhau? Đáp: Nước Ca-thấp-di-la cho đến thấy thì dứt mà nhân, là đáp, một là nêu luận Tỳ-bà-sa hai dẫn Phẩm Loại Túc để làm chứng. Đây là văn đầu Kiến thì dứt mà nhân cho tất cả pháp nhiệm, nên biết không phân biệt nhiệm ô trong thân bậc Thánh, Luận chép: Phẩm Loại Túc cho đến chiêu cảm dị thực, có ba văn làm chứng: Một là pháp kiến thì dứt mà nhân chứng minh đó là các pháp nhiệm đều dùng thấy thì dứt mà nhân. Pháp Nhiệm trong thân bậc Thánh cũng là các pháp nhiệm, nên biết cũng dùng thấy dứt làm nhân. Thế nào là vô ký cho đến và pháp bất thiện. Thứ hai là vô ký làm nhân chứng minh, chấp thân một bên trong biến hành là nhiệm vô ký và bốn vô ký đều là vô ký, đó là các pháp hữu vi vô ký, bao gồm hết tất cả pháp nhiệm, không nhiệm, vô ký. Pháp bất thiện bao gồm hết tất cả pháp bất thiện, đã nhiệm vô ký, và pháp bất thiện đều dùng vô ký làm nhân, nên biết các pháp nhiệm ô trong bậc Thánh cũng dùng chấp thân làm nhân biến hành.

Hoặc có khổ đế cho đến các nhiệm ô khổ đế, còn lại thứ ba nhiệm ô khổ đế làm chứng, chấp lấy từ chấp thân sinh không cho làm nhân chấp thân đó là tất cả pháp nhiệm đều từ chấp thân sinh, một phần lại làm nhân cho chấp thân, một phần không làm nhân cho chấp thân. Pháp nhiệm trong thân bậc Thánh đã là số các pháp nhiệm, còn lại nên biết từ chấp thân sinh. Luận chép: Nếu thế cho đến nhiệm ô tử: Là người ngoài hỏi. Bậc Thánh Đã lia đục lui sụt đầu tiên khởi nhiệm ô tử, chỉ là nhân bất thiện, nên biết pháp nhiệm trong thân bậc Thánh, không dùng thấy đạo thì dứt chấp thân, biên kiến làm nhân, luận chép: Y theo nhân chưa dứt cho đến nên bỏ qua không nói, là giải thích, Luận chép: Đã nói tướng của nhân biến hành như thế, thứ sáu là nói về nhân dị thực.

Luận chép: Cho đến pháp dị thực. Là nêu ra thể của nhân dị thực, trong ba tánh thiện, bất thiện chỉ là nhân dị thực, vô ký, chẳng phải nhân dị thực. Thiện có hai thứ, hữu lậu là nhân dị thực, vô lậu chẳng phải nhân dị thực. Luận chép: Vì sao vô ký cho đến được nước làm tươi nhuần vô ký thế lực yếu lời văn rất dễ hiểu, vô lậu không chiêu cảm dị thực, có hai nghĩa:

- 1) vô lậu do thấm thuần nước vô ái.
- 2) không có công năng chịu nhận quả hệ địa.

Bất Thiện, thiện hữu lậu có ba nghĩa đó là lực dụng mạnh, thấm nhuần nước ái và chiêu cảm hệ địa, là nhân dị thực luận chép: Nhân dị thực cho đến nhân dị thực, chia ra hai câu hỏi. luận chép: Nghĩa gồm có hai giải thích, ở đây có lỗi gì? Là đáp. Luận chép: dị thực tức là nhân cho đến nghiệp dị thực: Là hai câu hỏi, hai giải thích. Nói dị thực sinh nhân tức là dị thực là nhân, sao gọi dị thực nhân, nói nghiệp dị thực thì không được nói dị thực là nhân, luận chép: Hai giải thích đều thông, đã nói như trước: Là đáp. Theo Thánh giáo gọi nghiệp dị thực tức là nhân dị thực và dị thực sinh nhân tức dị thực là nhân bất thiện và thiện hữu lậu là pháp dị thực, Sư Tỳ-bà-sa gọi nhân dị thực, năm nhân còn lại tên thực nhưng chung cả sáu nhãn, lúc đắc quả đều gọi là Thực (chín). Nhân dị thực chỉ khác loại chín muồi được gọi là dị thực, ngoài nhân này chẳng phải chỉ có dị loại, không gọi dị thực. Khi quả chín có thời hạn có đủ hai nghĩa mới được gọi thực một là do nối tiếp chuyển biến khác nhau, đó là nhân dị thực đã kết quả rồi, chắc chắn qua lúc dừng riêng có lực dụng chuyển biến mới có thể cho quả, chuyển biến này là nghĩa chín muồi, hai là tùy thế lực nhân thời gian có chừng cũng là nghĩa chín muồi, tùy thế lực nhân hoặc một trăm năm, năm mươi năm v.v... như quả ở thế gian thay đổi mà chín, chín rồi tùy thế lực kia có thời hạn, đủ hai nghĩa này được gọi là chín muồi.

44. Nói về ba nhân:

Hai nhân không nối tiếp, chuyển biến, khác nhau, do lúc lấy quả thì cho quả, Luận chép: Lại chẳng thể làm cho đến thời gian vô hạn. Giải thích: Ba nhân không theo thế lực, phần hạn của nhân do đồng thủ quả cùng tột mé số sinh tử, biến khác mà chín muồi là nghĩa dị thực, nhân dị thực chỉ khác loại chín muồi, nhân câu hữu chỉ đồng loại chín muồi, hay tạo tác một nhân gồm đồng, khác chín muồi, nên chỉ có một tên này là nhân dị thực. Theo luận Bà-sa chắc chắn sáu nhân đều gọi là thực, cũng không có lỗi còn Luận Chánh Lý tự giải thích: dị thực nhân hoặc trì nghiệp thích như kinh gọi dị thực sinh nhân, hoặc y chủ thích

nên kế kinh nói là nghiệp dị thực, nói nghiệp dị thực hoặc lia nhân mà chín, hoặc khác nhân chín, cả hai thuộc quả, hoặc đã tạo nghiệp, lúc được quả biến đổi có thể chín muồi một loại này thuộc nhân. Nhân dị thực có hai là năng khiến dẫn và năng tròn đầy, vả lại chúng đồng phần và mạng căn, chẳng phải riêng bất tương ứng hành có thể dắt dẫn, lại nói phải là nghiệp dẫn mạng, chúng đồng phần.

Hai nghiệp thân, ngữ chắc chắn không thể dẫn mạng, chúng đồng phần không như thế thì trái với kế kinh, luận Chánh Lý và Kinh chép: Cõi yếu kém cho tự dắt dẫn, ở đây nói dục, có mạng, chúng đồng phần, chỉ có ý nghiệp cảm chẳng phải thân nghiệp, ngữ nghiệp, thân, biểu nghiệp ngữ biểu nghiệp rất nhiều cực vi, một tâm sở khởi chỉ dẫn chúng đồng phần duy nhất và mạng căn, ngoài ra không có công năng này thì không đúng lý, không chấp nhận đồng thời cùng cảm một quả làm nhân câu hữu lẫn nhau, hữu đối tạo sắc là nhân câu hữu, chẳng được tông chấp nhận, thứ lớp mỗi cực vi dẫn mạng căn và chúng đồng phần một tâm khởi nên chẳng phải một tâm khởi không khác công năng, riêng dẫn sinh sau mà không có lỗi, chẳng vì mãn nghiệp cũng có lỗi này, trong một đời vì riêng năng thủ sắc hương vị v.v... quả tròn đầy, phần nhiều lia thể nhất tâm khởi, vì không chấp nhận làm câu hữu nhân lẫn nhau. Theo văn luận này, ngoài văn luận Bà-sa, v.v... lại lập nghĩa này. Dẫn quả, mãn quả và thể dụng sinh trước sau khác nhau, một tâm sở dẫn không có khác, đồng là mãn quả một dị thực, sắc... tuy khác lực dụng động cho nên đồng một tâm dẫn cảm quả có khác. Nhân cảm quả uẩn nhiều ít trong cõi Dục chỉ được một uẩn cảm một quả, vì được cùng sinh v.v... đồng hành uẩn. Luận chép: Có lúc hai uẩn được sinh là nhân cùng cảm một quả, bốn tướng sắc cùng pháp sở tướng, sắc hành khác nhau. Luận chép: Có lúc bốn uẩn cho đến sinh kia v.v... là nói bốn uẩn làm nhân cùng cảm một quả tâm tâm sở không có sắc uẩn vì cùng một quả, luận chép: Trong cõi Sắc cho đến sinh kia v.v... là nói cõi Sắc, cõi Sắc có hai thứ một là uẩn mà nhân cùng cảm một quả, một đặc. Hai là định Vô Tướng.

45. *Uẩn ở cõi Vô Sắc:*

Theo Luận Chánh Lý thì chẳng phải Tĩnh lực thứ hai trở lên có các biểu nghiệp vì không có năng khởi, có lúc bốn uẩn cho đến kia sinh, bốn uẩn làm nhân, có lúc năm uẩn cho đến kia sinh là nói về định tâm. Trong cõi Sắc có bốn thứ khác nhau, Luận chép: cõi Vô Sắc cho đến kia sanh, v.v... là nói cõi Vô Sắc một uẩn làm nhân chỉ có đặc và diệt định, có lúc bốn uẩn cho đến và kia sanh, v.v... là nói bốn uẩn làm nhân, đối

với cõi Vô Sắc chỉ có hai thứ. Trong ba cõi không có ba uẩn mà nhân cùng cảm một quả, có duyên rất ít hẳn có bốn uẩn, không duyên rất nhiều vì chỉ có hai. Luận chép: Có nghiệp chỉ cảm cho đến tức mạng căn, v.v... dưới đây là nói về xứ nghiệp cảm nhiều ít. Theo luận Bà-sa quyển mười chín thì đắc mạng căn chúng đồng phần nghiệp, nghiệp đó chỉ thọ pháp xứ dị thực, mạng căn thủ chúng đồng phần cả hai đều chấp nhận nghiệp cảm riêng. Lại theo luận Bà-sa. Dưới mạng căn chúng đồng phần không có bình đẳng, nên biết đắc và bốn pháp đồng một nghiệp cảm, chiêu cảm mạng căn, chúng đồng phần. Định không gồm noãn, thức, dẫn nghiệp mãn quả khác nhau, cho nên nhân y theo uẩn để rõ, quả y theo xứ.

Hoặc nói cùng quả tức có một uẩn, hai uẩn, bốn uẩn, năm uẩn khác nhau, hoặc xứ này quả chỉ có một xứ, hai xứ, vì không có nhiều xứ, hoặc xứ cùng nhân tức có hai cho đến mười một xứ. Dựa vào sự khác nhau nhiều để nói về pháp tướng, sở dĩ cùng quả y theo uẩn, cùng nhân y theo xứ. Xứ uẩn lẫn nhau rõ nghĩa, không y theo giới.

46. Nói về chiêu cảm ba xứ:

Hoặc cảm ý xứ nên biết cũng thế, cảm hai xứ ý và pháp xứ, tức là bốn tướng và đắc, pháp tâm sở. Xúc pháp xứ là đắc, bốn tướng, Luận chép: Hoặc cảm thân xứ cho đến nên biết cũng vậy, nói cảm ba xứ, thân ba xứ là thân, Xúc, pháp, xúc là bốn đại, pháp là bốn tướng, ba thứ sắc, hương, vị nên biết cũng thế. Hoặc cảm nhãn xứ, cho đến nên biết cũng thế, nói chiêu cảm bốn xứ đó là nhãn thân, xúc, pháp. Theo luận Bà-sa quyển mười chín thì hữu nghiệp chỉ thọ một xứ dị thực, đó là đắc, mạng căn, chúng đồng phần nghiệp, nghiệp kia chỉ thọ pháp xứ dị thực. Có nghiệp chỉ thọ hai xứ dị thực đó là đắc ý xứ nghiệp, nghiệp kia chỉ thọ ý xứ, pháp xứ dị thực, được xúc xứ nghiệp thọ ba xứ dị thực, đó là thân xứ, xúc xứ pháp xứ, được sắc, hương, vị xứ nghiệp cũng vậy, đều thọ tự xứ, xúc xứ, pháp xứ dị thực, đắc nhãn xứ nghiệp thọ bốn xứ dị thực, đó là nhãn xứ, thân xứ, xúc xứ, pháp xứ, đắc nhĩ xứ nghiệp, ý xứ nghiệp, thiệt xứ nghiệp cũng vậy. đều thọ tự xứ, thân xứ, xúc xứ, pháp xứ dị thực. Lại tất cả đại chủng đều sinh sắc, tịnh, các sắc ở cõi Dục không lìa hương, vị, được nhãn xứ nghiệp thọ bảy xứ dị thực, đó là nhãn xứ, thân xứ và sắc, hương, vị xúc, pháp xứ dị thực. Đắc nhĩ, tỷ xứ nghiệp, thiệt xứ nghiệp, xứ nghiệp cũng vậy, đó là đều thọ tự xứ, thân xứ và sắc, hương, vị, xúc, pháp hương vị xúc pháp xứ dị thực. Đắc sắc xứ nghiệp thọ năm xứ dị thực, nghĩa là sắc, hương, vị, xúc, pháp xứ dị thực, đắc hương, vị, xúc xứ nghiệp cũng thế, đó là đều thọ tự xứ, sắc, hương,

vị, xúc pháp xứ dị thực. Như thế đã nói là định đặc, bất định đặc số đó không chắc chắn, nhưng có nghiệp năng thọ tám xứ dị thực, có nghiệp năng thọ chín xứ dị thực, có nghiệp năng thọ mười xứ dị thực, có nghiệp năng thọ mười một xứ dị thực, đều trừ thỉnh xứ.

47. Nói về xứ dị thực:

Luận Chánh Lý chép: Có nghiệp chỉ cảm một xứ dị thực, đó là cảm pháp xứ tức mạng căn, hoặc cảm ý xứ định cảm hai xứ là ý và pháp. Hoặc cảm xúc xứ nên biết cũng vậy, đó là xúc và pháp, hoặc cảm sắc xứ định cảm ba xứ là sắc xúc pháp, hoặc cảm hương vị nên biết cũng có ba, nghĩa là mỗi xứ thành một đồng thời xúc và pháp. Hoặc cảm thân xứ định cảm bốn xứ đó là thân, sắc xứ, xúc xứ, pháp xứ, hoặc cảm nhãn xứ định cảm năm xứ, đó là nhãn, thân, sắc và xúc xứ, pháp xứ. Cảm nhĩ, mũi, lưỡi nên biết cũng có năm, nghĩa là đều là một, thân, sắc, xúc, pháp. Nay xét rõ, các luận nói khác nhau, chấp ý đều khác nhau. Các pháp tương y có thân có sơ : Một là bốn tướng, bốn pháp và pháp tương ưng đều là xứ làm nhân lẫn nhau là gần gũi nhất, hai là có bốn đại đối nhau tạo sắc cũng là chấp thân, tuy chẳng phải chỗ đối nhau làm nhân lẫn nhau vì năm nhân sinh tạo sắc nhưng cũng định tương y, dị thực loại vì hai thứ này không hề lìa nhau, ba là có bốn căn y thân căn, tuy không có năm nhân sinh nhãn v.v... hoặc có bốn căn định có thân căn, tự có thân căn chẳng chắc chắn có bốn căn, bốn kế có năm căn y phù căn cảnh nghĩa là có năm căn xứ, hoặc ở định cõi Sắc có sắc, xúc, hoặc ở định cõi Dục có bốn cảnh, năm là có tám cực vi không lìa nhau. Luận này và các sư khác đầu của Bà-sa y theo ba nghĩa trước. Luận Chánh Lý nói theo bốn nghĩa trước, nhưng nói cõi Sắc để chắc chắn, các sư sau của bà-sa nói cả năm nghĩa. Nhưng nói cõi Dục chẳng phải cõi trên, sơ thuyết mà Bà-sa ghi chép về cảm xúc không giống với luận này, nên xét kỹ lại.

Có nghiệp chiêu cảm mười một xứ, có nghiệp chắc chắn cảm năm, sáu, bảy cho đến mười một xứ, nói lên nhân quả nhiều ít, như lúa thóc nhân là một hạt giống có thể được trăm ngàn hạt, như loại quả ít, như hoa sen nhân là một hạt có trăm ngàn quả, đã được trăm ngàn nhiều năm sau quả không thể tính kể. Như một đời tạo nghiệp có thể ba đời chịu quả, không thể ba đời tạo nghiệp cùng chịu quả một đời. Y theo thuyết đã dẫn, chớ nhọc quả ít nhân. luận chép: Có một niệm nghiệp cho đến như trên nên biết: Là nói thiếu ba đời nói theo mãn , trong đây như trên nên biết.

Hỏi: Nếu thế, Bồ-tát trăm kiếp tu tướng báo nghiệp nhân kia sao

chỉ chịu một đời?

Vì tu nhiều gia hạnh giúp cho một quả, nhưng đung ra cảm quả nhiều ở nhân, vì sức dẫn của quả dị thực, quả thuần thực chắc chắn thời qua lâu chuyển biến mới được thuần thực. Mới có thể nói về nhân dị thực, cảm khác loại khó phải qua nhiều thời gian.

48. Nói về biến hành:

Biến hành, đồng loại chỉ có hai đời, đời vị lai không có, vì không có trước sau, ba nhân, hai nhân đồng thời, dị thực tánh khác, nhân năng tác do thể rộng nên có cả ba đời chẳng phải một đời. Văn sau nói sáu nhân đối năm quả, tất cả pháp hữu vi đều đắc là quả, trong pháp vô vi chỉ lấy trạch diệt, định phi trạch diệt chẳng phải quả. Luận chép: Nếu thế cho đến đó là quả, nạn này là vô vi hợp với hữu nhân. Khi đặt tên quả đối với nhân mà gọi, vô vi là quả lẽ ra phải có nhân, chỉ có pháp hữu vi cho đến chẳng phải các vô vi, đây là đáp chung. Pháp hữu vi là nhân là quả cũng có nhân có quả, pháp vô vi là nhân là quả chẳng có nhân có quả, Luận chép: Vì sao ? vì vô vi khác nhau hữu vi có nhân quả, luận chép: Vì không có sáu nhân nên không có năm quả, là đáp, ngoài sáu nhân năm quả chứng đắc nhân chẳng phải không có nhân, có mà không chấp lấy và quả, chẳng phải không có quả. Do không có sáu nhân làm nhân nên nói không có nhân, do không có năm quả làm quả nên nói không có quả.

Luận chép: Vì sao không chấp nhận cho đến nhân năng tác? Vì năng lực đạo Vô gián đắc quả ly hệ, vì sao không chấp nhận vô vi có nhân năng tác, trong sáu nhân, nhân năng tác đối với sinh không chướng ngại gọi là nhân năng tác, vô vi bất sinh nên không có nhân năng tác. Luận chép: Nếu thế thì nghĩa quả nào làm quả ra sao? Trong đây có hai câu hỏi: Một là đã không có nhân thì quả nào gọi là quả, hai là nói quả là đối với nhân đã không có nhân thì nghĩa quả thế nào? Luận chép: Đó là đạo quả, đạo lực, là đáp.

49. Hỏi đáp các việc:

Luận chép: Nếu thế, cho đến, chẳng phải trạch diệt là hỏi, đắc nhân đạo sinh có thể là đạo quả. Trước có trạch diệt có phải là quả không? Nếu không như thế cho đến có khác nhau, là đáp đạo đối với chứng diệt đắc và công năng trạch diệt khác nhau. luận chép: Thế nào là đắc đạo có công năng là hỏi, luận chép: Có thể sinh là đáp. Luận chép: Vì sao diệt đạo có công năng? Là hỏi vì năng chứng, tên trạch diệt là đạo quả. Do đạo không thể mà cho diệt rồi sinh nên không có sáu nhân, vì diệt nhân đạo chứng, là đạo quả trong năm quả, các pháp

hữu vi là nhân năng tác là hữu. Quả tăng thượng đối với nhân năng tác mà lập. Vô vi đã chấp nhận không có quả tăng thượng làm sao có năng nhân tác? Vì các vô vi cùng quả dụng, tha sinh vi không làm chướng ngại nên gọi là nhân năng tác, vô vi không chướng tha sinh gọi là nhân năng tác, gọi là có quả, y theo nghĩa lấy và cho.

Pháp hiện lập mới gọi là thủ quả, vô vi lìa thế gian không lấy cho dụng không gọi là có quả, nên pháp vô vi không có quả tăng thượng. Như trên là nói về Hữu bộ tông. luận chép: Các Sư Kinh bộ nói cho đến chỉ có hữu vi. Luận chủ nói về kinh bộ tông. kinh bộ không chấp nhận vô vi là nhân, do Kinh bộ nói.

50. Kinh bộ nêu thuyết của kinh:

Luận chép: Kinh nói chỗ nào: Là Hữu bộ hỏi: Luận chép: Như có Kinh nói cho đến thức cũng như thế: Là Kinh bộ nêu thuyết của kinh. Luận chép: Nếu thế cho đến làm duyên sở duyên: là Hữu bộ bắt bẻ. Kinh nói vô thường nhân duyên sinh các sắc, cho nhân là hữu vi, theo kinh vô thường nhân duyên sinh thức, vô vi cũng chẳng phải duyên sở duyên. Vô thường sinh ra sắc cho đến năng sinh thức đều là vô thường, không nói thức duyên đều vô thường. Năng sinh là vô thường không phứt bỏ pháp thường, pháp nào gọi là ly hệ? Trạch diệt vô thể không lập làm nhân, trong phẩm Giới hỏi thế nào là trạch diệt đó là ly hệ, nay hỏi thế nào là ly hệ nói là trạch diệt, đối với tự tánh cuối cùng không thể hiển bày. Pháp tự tánh cũng gọi là ly hệ, trạch diệt vô vi không thể bàn luận, chỉ dùng phương tiện nói, là khéo phân biệt hư không phi trạch diệt, là thường phân biệt khác với pháp hữu vi khác. Hiển bày tự tánh gọi là trạch diệt cũng gọi ly hệ.

51. Luận chủ nói về ba thứ vô vi:

Luận chép: Sư Kinh bộ nói cho đến ở đây không có: Là Luận chủ nói về Kinh bộ tông ba thứ vô vi đều không có vật, vì vật không lập. Luận chép: Nếu thế vì sao gọi là hư không, v.v... là Hữu bộ hỏi. Pháp vô thể y theo gì đặt tên, đã gọi là hư không và trạch diệt nên biết có tự "Thể"? Luận chép: Chỉ không có sở xúc cho đến đây là hư không, là đáp Hư không vô thể giả đặt tên, luận chép: Đã khởi tùy miên cho đến gọi trạch diệt giải thích rõ danh trạch diệt. Là năng lực phân biệt cho đến yếu giữa chừng là các uẩn còn lại, giải thích giả danh phi trạch diệt, luận chép: Sư bộ khác nói cho đến gọi là phi trạch diệt: Luận chủ nêu chấp của Thượng tọa bộ. Kia chấp do tuệ phân biệt công năng tùy miên không sinh gọi trạch diệt. Tùy miên thiếu duyên không sinh và không quả sinh khổ gọi phi trạch diệt. Luận chép: Tùy sức lựa chọn cho đến

tức là trạch diệt, là Luận chủ bác bỏ tùy miên và khổ không sinh đều do sức chọn lựa, không sinh này cũng thuộc trạch diệt, các pháp gọi phi trạch diệt, các pháp hữu vi sinh cho đến gọi là phi trạch diệt, là Luận chủ nói chấp của Đại chúng bộ, ở đây chấp các pháp hữu vi sinh rồi sau tự nhiên không gọi là phi trạch diệt. luận chép: Sở chấp như thế cho đến chưa diệt thì không có; là Luận chủ bác bỏ, đó là Vô vi há trước không sau có, Luận chép: Chẳng lẽ không có trạch diệt cho đến lẽ ra cũng vô thường. Đại chúng bộ nạn ngược lại Luận chủ. Kinh bộ trạch diệt cũng là trạch diệt nên sau có bất sanh.

Luận chép: Phi Trạch diệt làm trước cho đến cũng là vô thường: Là Luận chủ đáp. Trạch diệt vốn có, phi trạch là trước mới có trạch diệt, vì sao trạch diệt cũng là vô thường, đã khởi tùy miên sinh chủng, diệt vị gọi là trạch diệt, nên biết chưa diệt thì không có. Hoặc không có phân biệt cho đến mới có bất sinh, hạt giống tùy miên không sinh xưa nay tự có, hoặc sinh chướng ngại bất sinh nghĩa hiển, chẳng tạo không sinh. Đạo chỉ là sinh chướng, chẳng tạo bất sinh.

Nếu chỉ bất sinh chẳng lẽ không trái nhau, hoặc không phân biệt vật chỉ có pháp bất sinh là Niết-bàn, tức chỉ vị lai có pháp bất sinh, mà sao dứt hẳn các khổ ở quá khứ vị lai hiện tại, thể của dứt hoàn toàn là Niết-bàn. nên biết tùy miên v.v... ở ba đời chứng đắc vô vi là Niết-bàn, duyên phiền não ở quá khứ, bị cắt đứt nên gọi dứt các khổ chẳng phải cho rằng dứt phiền não ở quá khứ, hiện tại gọi là dứt các khổ. Như Đức Thế tôn nói phiền não chẳng phải sắc duyên sắc gọi là sắc, phiền não chẳng phải quá khứ, mà duyên quá khứ nên gọi là quá khứ. Nghĩa là dứt hạt giống huân tập từ quá khứ, hiện tại nên gọi dứt quá khứ hiện tại, nhân mười tám ái hành quá khứ khởi, nương quá khứ sinh; Vị lai hiện tại nên biết cũng thế. Hai đời như thế gọi là nghiệp hết, do quá khứ hiện tại sinh phiền não huân thành hạt giống, nhờ đạo lực dứt hạt giống kia, lúc này dứt hạt giống huân ở quá khứ hiện tại, gọi là sinh phiền não quá khứ hiện tại, tức là dứt quả nói dứt nhân. Như lúc dị thực hết gọi là nghiệp hết.

Các khổ vị lai cho đến gọi là dứt, quá khứ đã diệt, hiện tại đang diệt, cần gì phải tu đạo để diệt cái kia? Hoặc pháp vô vi lập mà gọi thứ nhất, mà gọi là bậc nhất đều nói hữu pháp, pháp đã chẳng có sao gọi là bậc nhất? Như con của gái bất dục sao được nói đứa trẻ này bậc nhất? Luận chép: Ta cũng không nói cho đến đây là bậc nhất là kinh bộ giải thích, như nói âm thanh này có, trước chẳng có, tức chẳng phải có, không là có nên có nghĩa đắc thành chẳng có tự thể, tất cả có chẳng có,

rất đáng gọi bậc nhất.

52. Nói về Thánh đế:

Luận chép: Hoặc pháp vô vi cho đến gọi là diệt Thánh đế, đế là thật nghĩa, đã gọi diệt đế thì sao chẳng phải có, Luận chép: Vả lại, Thánh đế cho đến có gì trái? Là kinh bộ giải thích. Thánh đế là thật, thấy không điên đảo gọi là thật, có thì thấy có, không thấy thì không, bậc Thánh thấy có không chẳng điên đảo nên gọi là Thánh đế, chẳng có thể tách riêng gọi là Thật.

Vì sao chẳng có Thánh đế thứ ba, là hữu bộ chuyển sang bất bẻ, hễ nói về các vật thì có thể tách, diệt đã chẳng có sao thành thứ ba, Luận chép: Vô gián thứ hai cho đến nên thành thứ ba. Là Kinh bộ đáp. Bậc Thánh thấy thứ hai đế, sau thấy diệt này, nói là thứ hai đế sau nói diệt này nên gọi thứ ba, chẳng phải có thể mới gọi là thứ ba. Luận chép: Hoặc pháp vô vi cho đến lẽ ra duyên cảnh không là hữu bộ chuyển sang bất bẻ. Nếu pháp vô vi chỉ là không, như duyên hư không và Niết-bàn thức lẽ ra duyên cảnh không, cảnh đã không mà sao sinh thức vì không có chỗ nương, duyên không cảnh phải suy nghĩ rộng chọn lựa. Nếu chấp nhân vô vi thì có lỗi gì, là hữu bộ nói. Luận chép: Lại có đức gì? Chấp nhận bèn ủng hộ gọi là đức, hoặc có thể hộ gọi là lỗi, vì sao? Vì thật có chấp lưỡng đối, chẳng phải có thể tách như mắt, tai ..., nên không có hai lỗi hiện lượng và tỉ lượng. Nghĩa là không như sắc các hiện lượng thọ v.v... rất dễ hiểu, như mắt nhĩ do có dụng nên so sánh sẽ biết. Luận chép: Hoặc riêng có gọi là diệt, thứ sáu chuyển âm thanh sự kia diệt, như nói sắc diệt chỉ ngăn dứt sắc có chẳng có vật riêng .

Phiền não diệt nên biết chỉ diệt phiền não không có vật thật riêng, như lập trạch diệt vô vi và phiền não kia, chẳng phải nhân quả bất định tương thuộc, sao gọi là diệt phiền não. Nên biết diệt phiền não là chỉ ngăn dứt phiền não có gọi là Diệt, diệt tuy có riêng thuộc sự kia. Do phiền não ràng buộc không chứng được trạch diệt, khi phiền não dứt mới được diệt này. Vì sao diệt này chắc chắn thuộc đắc này, sao phiền não diệt thuộc đắc? Vì có thể được đắc, thuộc đắc thể chẳng phải không có, hoặc thể là không sao không được gọi là đắc? Do đối trị gọi đắc là Niết-bàn, vì được thân sở y trái hẳn phiền não gọi là đắc Niết-bàn, lại có Thánh giáo cho đến gọi là Niết-bàn. Kinh bộ dẫn kinh làm chứng, tất cả các khổ cho đến rất tốt đẹp: đây vốn là Văn kinh nghĩa là xả trở xuống: Là Kinh bộ giải thích, nghĩa là xả các ý, tức là tất cả các khổ ở trên đều dứt không còn sót, và tất cả ái đều lìa nhiễm diệt. Giải thích ở trên đều phân biệt xả bỏ, lìa nhiễm diệt tĩn dứt hẳn không còn, các

khổ không nối tiếp, không chấp, không sinh, đây là giải thích chung về khổ, tập ở trên, dứt hẳn không sinh lại. Cực Tĩnh lự này là rất tốt đẹp, là khen chung công đức, diệt ở trên, tức là giải thích nghĩa Niết bàn trong kinh diệt ở trên bất sinh này tức là khổ tập, bất sinh không phân biệt vật thật.

53. Hữu bộ giải thích kinh:

Luận chép: Vì sao không chấp nhận cho đến nên nói bất sinh? Là Hữu bộ giải thích kinh, kinh nói bất sanh, làm sao không biết là đồng phân biệt có thật thể trạch diệt gọi là bất sinh, luận chép: Chúng ta thấy đây cho đến y theo Vô sanh này: Là Kinh bộ phá Kinh nói các khổ bất sanh, bất sinh này thuộc các khổ, chứng minh trạch diệt bất sinh thứ bảy chuyển thành đều không có công lực, kinh nói bất sinh là ý gì, biết là nói diệt bất sinh chẳng phải khổ bất sinh. Hoặc y theo đây nói Niết-bàn thường, hoặc đã có trạch diệt nên gọi là bất sinh, khổ của tất cả chúng sinh vốn bất sinh, vì trạch diệt Niết-bàn là pháp thường. Hoặc nói theo đây cho đến y đạo đắc, hoặc tự mình đắc, nên gọi là bất sinh, tức lẽ ra y đạo đắc gọi là bất sinh chẳng phải trạch diệt. Luận chép: Cho nên chỉ nương đạo cho đến ông nên tín nhận, Kinh bộ kết quy về hai nghĩa để Sư hữu bộ tín nhận nghĩa này do kia đây khổ diệt gọi là các khổ diệt.

54. Dẫn kinh làm chứng:

Luận chép: Do khéo giải thích này cho đến lại không còn gì: Là dẫn kinh làm chứng nên kinh nói như ngọn đèn Niết-bàn tâm giải thoát cũng vậy, chỉ có ngọn đèn không phân biệt có vật. Theo A-tỳ-đạt-ma cho đến gọi là không có thể tánh, Sư Tỳ-bà-sa không chấp nhận các giải thích này, họ nói sự cho đến không có nhân không có quả, theo Bà-sa gọi vô sự là vô nhân. luận chép: Luận chung đã xong cho đến nhân nào mà có được, trở xuống là trình bày đối nhân phối quả, có năm quả theo thứ lớp dị thực, đẳng lưu ly hệ sĩ dụng và tăng thượng, sẽ nói hẹp trước, rộng nói sau. Do đó nhân trước đối quả sau, ly hệ chẳng phải sáu nhân đắc cùng sĩ dụng ít tướng xen lẫn. Nhân hay tạo tác chỉ không chướng trụ đã không lực dụng thì có gì tăng thượng? Đáp: Do không chướng ngại nên phải suy nghĩ đó là không chướng ngại và hữu dụng, vì tất cả là nhân năng tác gọi là tăng thượng. Đồng loại, biến hành cho đến đều tự nhân, là giải thích câu thứ ba nhân đồng loại, biến hành đều là tương tự, lực dụng hơi khác kia mà chia ra hai nhân, quả chỉ đáp lại nhân không nói lực dụng. Nhưng y theo tự nhân gọi là quả đẳng lưu, sau đẳng trước lưu gọi là Đẳng lưu, đẳng lưu tức là quả gọi là đẳng lưu. Luận chép: Câu hữu tương ứng cho đến gọi quả sĩ dụng, giải thích bốn

trường hợp tương ứng pháp câu hữu.

55. Giải thích bốn trường hợp:

Có lực dụng nên gọi là sĩ dụng, quả của sĩ dụng gọi là quả sĩ dụng chẳng vượt ngoài thể có sĩ dụng riêng, tức sở đắc của sĩ dụng này gọi là quả sĩ dụng, sĩ dụng này gọi là pháp gì? Đồng các pháp được gọi là sĩ dụng nêu thí dụ để giải thích như thế gian nói cho đến tướng quân voi say, nêu dụ giải thích, tác dụng của các pháp này gọi là sĩ dụng từ tương tự được tên. Như hạt được quả chẳng phải chân chim, do giống chân chim nên gọi là điều tức, tướng quân thật ra chẳng phải voi say, giống như voi say nên gọi là voi say. Luận Chánh Lý gọi quả sĩ dụng đây có bốn thứ là câu sinh, Vô gián, cách việt và bất sinh. Nói câu sinh đó là đồng một lúc lẫn nhau mà giúp sức cho nhân sinh khởi, Vô gián kế đó thời gian sau làm nhân lực sinh khởi lẫn nhau. Như pháp thế đệ nhất sinh khởi pháp trí nhãn cách việt là thời gian cách xa xoay vần mà làm nhân lực sinh khởi, như nông phu mà ruộng được lúa thóc. Bất sinh là Niết-bàn, do đạo lực Vô gián mà được, đây đã không sinh sao nói kia lực sinh, nên gọi là quả sĩ dụng, hiện thấy đắc cũng gọi là sinh. Như nói của cải của ta sinh là ta được của cải, hoặc đạo Vô gián dứt các tùy miên chứng trạch diệt, trạch diệt như thế gọi là quả ly hệ và quả sĩ dụng. Hoặc đạo Vô gián không dứt tùy miên lại chứng vốn thời sở chứng trạch diệt, như vậy trạch diệt chẳng phải quả ly hệ.

Chỉ có quả sĩ dụng nghĩa là hoàn toàn chưa lìa tham cõi Dục, lúc nhập thấy đạo pháp khổ trí nhãn, dứt mười tùy miên chứng trạch diệt. Trạch diệt như thế gọi là quả ly hệ và quả sĩ dụng, hoặc đã hoàn toàn lìa tham cõi Dục, lúc nhập thấy đạo khổ pháp trí nhãn, không dứt tùy miên chứng bốn vắng lặng. Trạch diệt như thế chẳng phải quả ly hệ, trước lìa ràng buộc nên là quả sĩ dụng, do sức nhãn này khởi ngoài đắc mà trùng chứng. Hoặc đã lìa tham ở cõi Dục, lúc nhập thấy đạo khổ pháp trí nhãn, đối với mười tùy miên có dứt không dứt, sở chứng trạch diệt có mới có cũ. Như thứ lớp hai quả, một quả như thế cho đến đạo pháp trí nhãn. Hoặc hoàn toàn chưa lìa, đã lìa phần tham cõi Dục. Tám tùy miên hoàn toàn dứt, không dứt, dứt từng phần không đoạn, sở chứng trạch diệt có mới có cũ, và có mới cũ như thứ lớp hai quả kia, một quả, hai quả một quả nghĩa như trước giải thích.

Y theo văn luận trên nhân lực của niệm trước sinh ra pháp sau. Không chỉ duyên đẳng Vô gián pháp thế đệ nhất sinh khởi nhãn, v.v... chấp chấp sinh trước hậu lực dụng, chẳng những chỉ thủ duyên đẳng Vô gián lìa ngoài duyên dụng vì hợp lại có lực. Nếu không như vậy thì

không lẽ nói sinh cũng là pháp thế thứ nhất. Theo luận Hiển Tông, quả câu sinh, sĩ dụng chắc chắn có thắng, nên nói tương ứng, nhân câu hữu đắc, vô ngăn cách vượt hoặc có hoặc không, lập có chẳng phải thắng, nên không nói sở đắc. Của nhân khác.

56. *Nêu thuyết khác:*

Luận chép: Vì chỉ có tương ứng, câu hữu có quả sĩ dụng hay bốn nhân còn lại cũng thế? Là hỏi. Là cái gì tương ứng, câu hữu có quả sĩ dụng, là bốn nhân còn lại cũng có quả sĩ dụng. Luận chép: Có người nói dị thực không thế, là nêu thuyết khác, thuyết này chỉ trừ nhân dị thực đều có quả sĩ dụng, quả sĩ dụng chỉ có câu sinh Vô gián không thừa nhận cách việt, vì nhân đồng loại v.v... có Vô gián sĩ dụng lực, dị thực thì không có cho nên trừ ra. Trong quả sĩ dụng cũng có ly hệ, trong đây nói sáu nhân đắc, nên không nói ly hệ.

Luận chép: Có sư khác nói cho đến quả nhận được là thật. Sư thứ hai nói cũng chấp nhận cách việt có năng lực sĩ dụng do nhân lực của dị thực này cũng có quả sĩ dụng. Nhập A-tỳ-đạt-ma quyển hai giải thích tên năm quả, quả không tự nhân nên gọi là dị, thực nghĩa là thành thực và có thể thọ dụng, quả tức dị thực gọi quả dị thực. Quả tự nhân nên nói là đẳng, từ nhân sinh nên gọi là lưu, quả tức đẳng lưu gọi quả đẳng lưu, trạch diệt vô vi gọi quả ly hệ, đây nhờ đạo đắc, chẳng phải đạo sở sinh, quả tức ly hệ gọi là quả ly hệ. Ba quả trên đây thuộc về trì nghiệp thích.

Luận chép: Do thế lực này mà kia được sinh, đây gọi sĩ dụng kia là quả, nhân sĩ dụng từ dụ được tên, quả sĩ dụng là quả của sĩ dụng. Lại do tiền tăng thượng, pháp sau đắc sinh, quả của sự tăng thượng gọi là quả tăng thượng. Hai quả trên thuộc về y chủ thích, luận đã giải thích ở đây, không giải thích lại rườm rà.

57. *Nói về tướng của năm quả:*

Luận chép: Tướng của quả dị thực v.v... thế nào? dưới đây là hai bài tụng nói về tướng của năm quả. Luận chép: Cho đến có quả dị thực, đây là thứ nhất, tướng của quả dị thực, trong pháp vô phú vô ký có dị thực, là nói tánh chỉ là vô phú vô ký, nếu quả dị thực là thiện ác kia tức nghiệp sở tạo không thọ tận kỳ. Nên quả dị thực chỉ thuộc về vô phú vô ký, luận chép: Vì ở đây cũng chung cho đến và chỗ nuôi lớn, là hỏi. Trong đây có ba là tình phi tình, đẳng lưu phi đẳng lưu, nuôi lớn phi nuôi lớn. Nên biết chỉ là hữu ký sở sinh, trả lời sơ lược ba câu hỏi, thể là vô ký từ hữu ký sinh, thì biết chẳng phải là đẳng lưu và nuôi lớn, hai nhân quả này chắc chắn đồng loại, cũng chứng minh pháp này chỉ có hữu

tình. Luận chép: Tất cả pháp bất thiện cho đến nên gọi là hữu ký, đây là giải thích hữu ký, luận chép: Từ hậu thời kia cho đến gọi là hữu ký sinh nhân là hữu ký, quả là vô ký nghĩa khác nhau. Từ hậu thời kia dị thực mới khởi chẳng có Vô gián, nói lên nghĩa đối khác và thuần thực. Luận chép: Như thế gọi là tướng quả dị thực, là tổng kết .

Luận Chánh Lý chép: Chẳng lẽ không có dị thực cũng do quả dị thực ở giai vị trước, thể là nhân đồng loại, vì là quả đẳng lưu dị thực ở trước, lẽ ra cũng nói từ vô ký sinh là tánh đẳng lưu. Vì sao từ hữu ký sinh chẳng phải tánh đẳng lưu, không có lỗi như thế, thể của quả dị thực do tướng nhân đồng loại có thể tạp loạn. Do tướng nhân dị thực không lẫn lộn, nên chỉ nói từ hữu ký sinh, nên biết chẳng phải tánh đẳng lưu, vì quả đẳng lưu có lẫn lộn với nhân tương tự . Hoặc quả dị thực trái với nhân vì không có tạp loạn, nay nói quả thể dị thực tuy từ nhân đồng loại, nhân câu hữu, nhân năng tác, nhân dị thực đã sinh. Nhưng nhân đồng loại sinh là quả đẳng lưu, nhân câu hữu sinh là quả sĩ dụng, nhân năng tác sinh là quả tăng thượng, nhân dị thực sinh là quả dị thực.

58. Quả dị thực có bốn:

Quả dị thực đều có bốn quả là đẳng lưu, sĩ dụng, tăng thượng, và dị thực; Quả dị thực thoát chất chẳng phải đẳng lưu, sĩ dụng, tăng thượng đều lấy một nghĩa để đặt tên. Nghĩa sĩ dụng, tăng thượng tuy chung, do chung nghĩa danh nêu khác pháp, nhân cũng như thế, pháp thể là một, y theo dùng nhân khác nhau, sau lại phân biệt, chẳng phải số hữu tình cho đến vì sao không phải dị thực? Các quả tăng thượng cũng từ nghiệp sinh, sao chẳng phải dị thực? Luận chép: Do cùng có nên cho đến thọ quả dị thực, như Đại thừa nói ngoài quả tăng thượng có tướng phần Lại-da, đều khác nhau nhau, chẳng cùng thọ. Trong Tiểu thừa nói pháp thể là một cộng nghiệp chiêu cảm, hoặc là dị thực tức là tạo nghiệp, các dụng khác không đúng đạo lý tăng thượng của trình bày thừa nhận cùng cảm cùng dùng, luận chép quả tăng thượng cho đến đâu được cùng thọ? là vấn hỏi: luận chép: Vì cộng nghiệp sinh, là đáp tuy đồng nghiệp sinh mà có cộng nghiệp, không chung nghiệp khác nhau.

Tăng thượng là cộng nghiệp cho nên cùng thọ, dị thực chẳng phải cộng nghiệp không thể cùng thọ. Luận chép: Tự tự nhân pháp cho đến hai nhân biến hành, thứ hai là giải thích tướng của quả đẳng lưu. Nói tự tự nhân là tự đồng loại, hai nhân biến hành, hoặc nhân biến hành gọi là nhân đồng loại. Quả đã tự nhân nên đều gọi là đẳng lưu. Hai nhân tương tự, sao không đều gọi là nhân đồng loại, luận chép: Quả ở đây chỉ do cho đến gọi là đồng loại, là nói quả đẳng lưu tự tự nhân, chỉ nói

tướng thô, do đồng là nhiễm, đồng một địa nên gọi là tướng tợ, chẳng phải thể loại của năm bộ cũng đồng gọi là tướng tợ, hoặc thể giống gọi là nhân đồng loại.

Do tuệ cùng tốt pháp gọi là quả ly hệ, diệt nghĩa là tận, trạch nghĩa là tuệ, nhờ tuệ diệt pháp gọi là trạch diệt, trạch diệt gọi là ly hệ, hoặc pháp nhân kia đồng loại như thế. Giải thích quả tướng sĩ dụng, như nhân địa dưới qua hạnh tâm, trạch diệt do đạo lực đắc, giải thích riêng trạch diệt. Đạo quả sĩ dụng, loại trước là sinh, đều do đạo lực mà đắc, nghĩa không giống nhau cho nên giải thích riêng, hoặc sinh, hoặc đắc đều đối có năng lực gọi là quả sĩ dụng. Trạch diệt đối đạo lìa ràng buộc là quả ly hệ, có năng lực được nghĩa là quả sĩ dụng.

59. Giải thích tướng của tăng thượng:

Luận chép: Các pháp hữu vi cho đến do quả tăng thượng: Thứ năm là giải thích tướng của quả tăng thượng, trừ trước đã sinh, đó là trước đã sinh hy vọng sau đã sinh chưa sinh không phải quả tăng thượng, quả y theo thủ nên không, ở trước nhân. Nhân chỉ không chướng ngại nên có cả quả sau hồi. Sáu nhân năm quả một thể nghĩa khác nhau, năm loại khác nhau nhân sao thể tánh đều khác? Đáp sáu nhân năm quả y theo dụng thành lập, dụng khác thể đồng. Năm loại nghĩa môn y theo thể để phân chia, do thể này khác nhau, như pháp dị thực tuy là đẳng lưu. Nhưng theo sự khác nhau đặt tên không y theo tên chung, nhân quả không như vậy, tức một gồm khác, như một tà kiến là nhân tướng ứng cũng là năm nhân còn lại, tuy đủ sáu nhân mà không có sáu thể, sáu dụng đã khác nhau cũng không thuộc nhau, tức khai hợp nhân dụng mà duyên. Do nhân duyên này xoay vần thuộc nhau, năm quả cũng vậy.

Hoặc y theo pháp thể đủ nhân nhiều ít, cũng được đối nhau nói về số câu kia, như nhân biến hành đối nhân đồng loại, chia ra bốn trường hợp, Chánh Lý có nói đủ. Luận chép: Hai quả sĩ dụng, tăng thượng khác nhau thế nào? là hỏi tên quả sĩ dụng cho đến chỉ gọi là quả tăng thượng, là đáp, lời văn rất dễ hiểu, luận chép: Ở trên cho đến thủ quả: Dưới đây một bài tụng thứ ba là nói sáu nhân thủ và quả. Luận chép: Cho đến vì kia không có dụng thủ quả, quá khứ đã chứng vì vị lai không có dụng, chỉ hiện tại năng thủ quả.

60. Giải thích riêng nhân năng tác:

Luận chép: Cũng nên như thế cho đến nên ở đây không nói: Là giải thích riêng nhân năng tác. Hiện tại thủ quả đồng với năm nhân, trong đó vô vi không có quả nên không nói. Theo hai thuyết của Luận Chánh Lý và Bà-sa đều chấp nhận nhân năng tác quá khứ thủ quả. Lu-

ận Chánh Lý chỉ có hiện tại thủ quả, nghĩa là dẫn vị lai khiến cho sinh v.v... đối với đồng thể loại năng làm hạt giống, đối với khác thể loại do đồng một quả, đối với chẳng phải một quả do đồng tánh loại, với khác loại tánh mà do có tự tu nối tiếp này, vì thế tất cả đều gọi năng dẫn, cho nên tất cả đều gọi là năng dẫn, năng dẫn như thế gọi là thủ quả dụng của thủ quả này chỉ hiện tại có chẳng phải quá khứ, vị lai, chỉ có đây được gọi là tác dụng hữu vi, trong sáu nhân phân biệt vì sao mà nói năm nhân, chỉ có hiện tại thủ quả? Đó là trong sáu nhân trừ nhân năng tác, nhân năng tác này vì sao bị phân biệt? Có sư khác nói: Đây là nhân năng tác thủ quả, cùng quả thời không chắc chắn, nên trong lấy và cho đều không phân biệt. Điều đó phi lý, vì sao? Vì Nhân thủ quả này không phải chẳng phải hiện tại, lại chẳng phải không lấy mà có nghĩa cho.

Thế nào gọi là thời không chắc chắn, nhưng nhân năng tác có công năng thủ quả chắc chắn chỉ có hiện tại, cùng có cả quá khứ, hiện tại, lẽ ra như hai nhân đồng loại, biến hành. Nhưng chẳng phải tất cả có quả tăng thượng có thể lấy hoặc cho nên ở đây không nói, chẳng lẽ không có nhân này năng thủ dụng quả có cả quá khứ, sao quả năng thủ chắc chắn chỉ có hiện tại. Các pháp quá khứ là Đẳng Vô gián năng sinh ra hai tâm, hoặc tâm xuất Vô tướng, định diệt tận, do tâm nhập định hiện tại thủ chứng, thì lẽ ra hai định hoàn toàn không hiện tiền. Lại chẳng phải không thủ là có nghĩa cho, do vậy lẽ ra thủ quả cũng có ở quá khứ, không có việc như thế lúc nhập hai định tâm chỉ có hiện tại, năng thủ hai định và xuất tâm quả, nhưng do hai định là chánh sở cầu chắc chắn phải khởi trước, do đó mà chương ngại làm cho tâm xuất định, chẳng phải nhập tâm Vô gián liền khởi nghĩa này ở sau sẽ phân biệt lại, cho nên ở trên nói. Nhân thủ quả này chẳng phải không có ở hiện tại, chẳng phải không thủ mà có nghĩa cho, lý ấy cực thành, nhưng Tỳ-bà-sa có nói như vậy, nhân năng tác thủ quả, cùng quả có ở cả quá khứ cho đến hiện tại, theo lý không đúng.

61. Nhân và quả có cả ở hai đời:

Luận chép: Câu hữu tương ứng cho đến vì phải cùng thời, hai thứ nhân và quả cũng hiện tại, luận chép: Đồng loại biến hành có ở cả quá khứ, hiện tại, hai nhân và quả có ở cả hai đời. Luận chép: Quá khứ có thể đúng cho đến cùng quả đẳng lưu, là hỏi, nhân tương ứng, câu hữu là đồng thời, có thể nói thủ thời tức năng cho quả. Nhân quả đẳng lưu trước sau khác nhau, vì sao nhân khi hiện thủ thì năng cho quả, có quả đẳng lưu không lẽ lại cùng vì quả Vô gián sinh nhân hiện tại, hoặc quả đã sinh cho đến khi hiện tại, nhân liền quá khứ gọi đã cho quả, chẳng

phải chánh cho. Hỏi: Câu hữu tương ứng hiện tại tử quả, lúc đó quả pháp cho đến đã sinh vị sao gọi quả cùng thời sinh, vì nói hiện tại cũng gọi là sinh, luận chép: Nhân đồng loại cho đến nên tạo bốn trường hợp, ở đây y theo pháp không tương ứng tạo ra phân biệt số câu.

Luận chép: Câu thứ nhất cho đến sau cùng xả sở đắc, đây là câu lấy chữ chẳng phải cho, sau cùng xả đắc nghĩa là lúc dứt gốc lành xả đắc. Có trước tức là vô tử cho đến nay sinh đắc thiện đắc, sau là dứt gốc lành niệm sau rốt ở trước được gọi sau cùng xả sở đắc. Trong xả đắc đã sinh tối niệm sau đắc, đã sinh phân biệt với vị lai, sau cùng phân biệt về trước, vì vị lai đắc chưa tử quả, vì sắp về trước đắc cũng cùng quả.

Luận chép: Câu thứ hai cho đến nối tiếp tiền đắc ở đây giải thích câu thứ hai, cho quả mà không tử chứng, lúc nối tiếp gốc lành đầu tiên sở đắc, là lúc gốc lành nối tiếp Sát-na đầu tiên khởi đắc, vì lúc đó đắc này là sở tử. Nếu sở tử được hiển bày trước năng tử, cho mà không tử vì trước đã tử, luận Bà-sa quyển mười tám chép: Có lúc cho quả mà chẳng lấy quả. Nghĩa là lúc nối tiếp gốc lành liền trụ quá khứ xả thiện đắc, Luận chủ nói: Lẽ ra nói bấy giờ nối tiếp là trước đắc, còn theo chánh văn này thì nối tiếp là trước đắc, tức là nối tiếp gốc lành là quá khứ sinh đắc thiện đắc, lúc đó cho mà không lấy, vì nêu quả hiển nhân tướng khó hiển bày. Trước lúc dứt gốc lành sau cùng lìa thân đắc, đây là đắc lúc trước chỉ có tử quả chưa hề cho quả, nay đắc sơ nối tiếp chỉ cho bất tử. Vì trước vô lượng nhiều Sát-na đắc, đều từng cùng với quả nay lại cho, vì thế mà không nói.

62. Luận chánh Lý bất bẻ:

Luận Chánh Lý bất bẻ rằng: Luận chủ đối với lời sai lầm này thì cho rằng: Nên nói lúc ấy nối tiếp là trước đắc, nay xét rõ thì không đúng lý vì sao? Vì không phải chỉ dứt vị sau cùng xả đắc, cùng nay lúc nối tiếp mới đắc quả đẳng lưu, do đoạn vị trước đã diệt đắc, cũng cùng lúc nối tiếp đắc đẳng lưu. Vì sao địa vị trước nhiều Sát-na đắc, là nhân đồng loại đều tử nay đắc, mà nay thì chỉ nói một Sát-na sau cùng, đắc cùng nay đắc quả, cho nên theo bốn văn gọi là Thiện. Nay xét rõ: Nói tiếp là trước đắc, chung cho hai giải thích: Một là nối tiếp, thứ lớp đắc trước, là lúc dứt sau cùng xả đắc; hai là nối tiếp tiền đắc, là lúc gốc lành nối tiếp đã có các đắc trước. luận này nếu y theo giải thích sau, Luận chủ chỉ sửa văn không sửa nghĩa tức là luận Chánh Lý bất bẻ lầm, các sư luận Chánh Lý làm sao chứng biết Luận chủ chắc chắn y theo giải thích trước.

Luận chép: Câu thứ ba là trừ tướng trước, vừa tử vừa cho, câu

bốn rất dễ hiểu. Bất thiện là trừ tương trước, giải thích bất thiện không tương ứng bốn trường hợp, hữu phú vô ký với A-la-hán lúc đắc thủ mà không cùng, lúc lui sụt cho mà không lấy, chưa đắc vừa lấy, vừa cho, ngoài ra chẳng lấy, chẳng cho, vô phú vô ký cho đến các uẩn sau cùng, do vô phú vô ký từ vô thủ cho đến nay nối tiếp không dứt quãng, thời gian chỉ cho quả đều lấy quả, vì sau khi nhập Niết-bàn không nối tiếp. Sau La-hán uẩn thủ mà không cho. Hỏi: Trước vừa thủ quả vừa cho quả, sau vừa cho quả vừa thủ quả, vì cùng quả phải thủ quả nên nói thuận câu sau. Trên đây đều không duyên bốn câu.

63. Y theo phát tâm tâm sở để hỏi đáp:

Luận chép: Y theo hữu sở duyên cho đến tâm nhiễm vô ký, trở xuống là y theo pháp tâm, tâm sở: Là hỏi đáp, đây là bậc nhất lấy mà chẳng cho. Luận chép; Câu thứ hai cho đến y theo ví dụ nên nói. Nghĩa y theo giải thích trước, lời văn rất dễ hiểu. Luận chép: Thủ quả cho quả nghĩa thế nào: Là hỏi nghĩa thủ quả, cho quả. Luận chép: Vì năng làm hạt giống kia cho đến gọi là cho quả, là đáp. Lúc thủ là nghĩa nhân thành gọi là hạt giống, lúc cùng chánh dẫn quả khởi gọi là cùng. Hai dụng đều ở trong nhân kia không ở trong quả. Xưa giải thích là nghĩa nhân thành là nghĩa thủ quả không có lỗi, quả khởi đáp lại nhân gọi là cho quả thì sai lầm, vì là năng lực của quả. dị thực cho quả cho đến và Vô gián, nói nhân dị thực cho, lời văn rất dễ hiểu.

Lại có luận sư khác nói cho đến các quả Tĩnh lự là nêu thuyết khác lời văn rất dễ hiểu. Luận chép: Bốn quả như thế cho đến thuộc quả tăng thượng, văn sau nói pháp dụng nhân nhiều ít gồm lại là bốn, lời văn rất dễ hiểu. Luận chép: Cho đến còn ba nhân sinh thuộc số đương nhân y theo tâm tâm sở, nói số nhân nhiều ít, phi sắc, bất tương ứng. Bất tương ứng hành cho đến, lại có bao nhiêu nhân sinh, như tâm tâm sở cho đến chắc chắn không có, rõ sắc bất tương ứng, bốn pháp như trước, bốn pháp hữu duyên mỗi duyên đều trừ nhân tương ứng, ít nhất cũng có hai nhân sở sinh, giống như ngoại đạo kia một nhân sinh pháp chắc chắn không có.

